TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN
KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN NGỮ VĂN LỚP 11
GV: PHẠM THỊ HÒA
TỔ: NGỮ VĂN
NGÀY SOẠN: 1/9/2026
NGÀY DẠY: TUẦN 1,2,3,4
Tiết 1-11

BÀI 1: CÂU CHUYỆN VÀ ĐIỂM NHÌN TRONG TRUYỆN KỂ

A. NỘI DUNG VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN

Phần	**Tên bài/Thời lượng (11 tiết)**
1. Đọc	- VB1: *Vợ nhặt* (Trích – Kim Lân) - VB2: *Chí Phèo* (Trích – Nam Cao) - Thực hành đọc: *Cải ơi!* (Nguyễn Ngọc Tư)
	Thực hành tiếng Việt: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết
2. Viết	Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)
3.Nói và nghe	Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG CHỦ ĐỀ BÀI HỌC

I. NĂNG LỰC	
Năng lực chung	- Năng lực tự chủ và tự học; năng lực tư duy phản biện; giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo.
Năng lực đặc thù	*Năng lực ngôn ngữ (*đọc – viết – nói và nghe*); năng lực văn học.* **- HS biết đọc hiểu văn bản truyện ngắn hiện đại:** + Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,... + Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. + Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp được tác giả gửi gắm trong văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

	+ Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo được người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản. **- HS nhận biết được** các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói để có hướng vận dụng phù hợp, hiệu quả. **- HS viết được** văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện, chú ý phân tích đặc điểm riêng trong cách kể của tác giả. **- HS biết thuyết trình** về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.
Năng lực số,AI	***1.1. NC1b - Khai thác và lọc thông tin:*** Biết cách sử dụng công cụ tìm kiếm (Google, YouTube) để tra cứu thông tin về tác giả, bối cảnh sáng tác; bước đầu biết lọc các nguồn tài liệu tin cậy để tìm kiếm bài giảng hoặc các tệp âm thanh đọc diễn cảm bài thơ phục vụ việc cảm thụ văn bản. ***1.2. NC1a - Đánh giá dữ liệu và thông tin:*** Biết cách phân biệt và chọn lọc các bài bình giảng, tài liệu phân tích thơ từ các trang web giáo dục uy tín; bước đầu hình thành tư duy đối chứng để không phụ thuộc vào các nguồn thông tin thiếu xác thực trên mạng xã hội. ***3.1. NC1a - Phát triển và sáng tạo nội dung số:*** Biết cách soạn thảo văn bản nghị luận trên máy tính (sử dụng Word); bước đầu tập thiết kế sơ đồ trực quan hóa cấu tứ, hình ảnh bài thơ bằng các công cụ đơn giản (PowerPoint hoặc các phần mềm vẽ sơ đồ tư duy) để làm nổi bật luận điểm. **11.C2.MR1.** Sử dụng được công cụ AI để tạo và biên tập nội dung học liệu phục vụ học tập và đánh giá sản phẩm học tập.
II. PHẨM CHẤT - Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương. - **Tích hợp giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:** GD truyền thống nhân đạo, tình yêu thương con người, sống có bản lĩnh để không bị cám dỗ, tha hóa…	

C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị kỹ thuật số: Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.

- Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm: Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).

- Thiết bị truyền thống: Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ…

- Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học: tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini…); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...); trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter); trợ lý thuyết tình và video (Gamma App,

Canva); Sáng tạo âm thanh & Hình ảnh nghệ thuật (Suno…)

2. Học liệu dạy học:

- Học liệu in ấn, bản word mềm: Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.

- Tư liệu tham khảo văn học: Sách *Về tác gia và tác phẩm"* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.

- Học liệu số (Học liệu đa phương tiện): Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.

- Công cụ đánh giá: Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:1-3

VĂN BẢN 1: VỢ NHẶT

(Trích)

Kim Lân

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển các năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lý linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **Đọc giúp HS:**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.

- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.

- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.

- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

c. Năng lực số và công nghệ AI

- 1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Sử dụng được máy tính, điện thoại để truy cập Internet chủ động tra cứu video, tư liệu về Nạn đói năm 1945 và hoàn cảnh ra đời truyện ngắn *Vợ nhặt*.

- 1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống về tác phẩm *Vợ nhặt* trên môi trường số.

- 11.C2.MR1. Sử dụng được công cụ AI để tạo và biên tập nội dung học liệu phục vụ học tập và đánh giá sản phẩm học tập.

2. Phẩm chất

- Thể hiện tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng những khát khao được yêu thương, chia sẻ,…

- **Tích hợp giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống:** GD truyền thống nhân đạo, tình yêu thương con người, sống có bản lĩnh để không bị cám dỗ, tha hóa…

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị:

- Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Công cụ AI: Gemmini, Chat, Google AI…

2. Học liệu:

- SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá
- Mã QR / Đường link video tư liệu bối cảnh lịch sử 1945 trên Youtube; không gian dùng chung trực tuyến (nhóm Zalo lớp); công cụ AI Chatbot miễn phí (Gemini/ChatGPT).

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh huy động được những tri thức, kinh nghiệm sống cá nhân về chủ đề sẽ học trong văn bản, tạo tâm thế sẵn sàng cho việc khám phá tác phẩm.

1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số: Học sinh áp dụng kỹ thuật duyệt và tiếp cận tư liệu đa phương tiện trực tuyến để chủ động tra cứu video, tư liệu về bối cảnh lịch sử nạn đói năm 1945, qua đó khơi gợi hứng thú và huy động tri thức nền cho bài học.

b. Nội dung hoạt động: Xem video tư liệu và suy nghĩ về nạn đói năm 1945.

c. Sản phẩm: Nội dung phản hồi Phiếu học tập số 1 của học sinh trên **nhóm Zalo lớp**.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS xem video:
(https://www.youtube.com/watch?v=RV0gK8Myv_I&t=197s)
- HS hoàn thành phiếu học tập (theo hình thức ***Think-Pair-Share***)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

- Em biết gì về nạn đói năm Ất Dậu (1945) xảy ra ở Việt Nam? - Có phải lúc nào nghịch cảnh trong đời sống (như nạn đói, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,…) cũng đẩy con người vào tình thế bi quan, tuyệt vọng không?	
Một tác phẩm thơ, văn mà em biết có liên quan?	
Một mẩu chuyện được nghe kể có liên quan?	
Một cảm nhận của cá nhân em khi xem video?	
Một tưởng tượng khi xem?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem video clip và ghi kết quả thảo luận sau khi đã thống nhất vào phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo kết quả

GV gọi đại diện 2-3 nhóm HS trình bày sản phẩm, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá, kết luận: GV nêu nhận xét về phần trình bày của các nhóm và ghi nhận những đóng góp tích cực, tôn trọng các ý tưởng khác biệt của HS.

➔GV dẫn vào bài bằng câu hỏi SGK:

Cách 1: Có phải lúc nào nghịch cảnh trong đời sống (như nạn đói, thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh,…) cũng đẩy con người vào tình thế bi quan, tuyệt vọng hay không? Tiết học hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời cho câu hỏi đó.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Tìm hiểu Tri thức Ngữ văn

a. Mục tiêu:

- Học sinh nhận diện và phân tích được đặc trưng của truyện ngắn hiện đại, điểm nhìn, ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để làm nền tảng giải mã văn bản.

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, tham gia trò chơi, trình bày một phút để tìm hiểu chung về các vấn đề trên.

c. Sản phẩm: Sơ đồ Tri thức Ngữ văn được hoàn thiện bằng công cụ số (Slide/Canva/hoặc ảnh chụp sơ đồ vẽ tay của nhóm).

d. Tổ chức thực hiện hoạt động: GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: ***Tôi đi tìm miếng ghép của tôi***

HĐ của GV và HS	**Dự kiến sản phẩm**

Bước 1: GV giao nhiệm vụ: *Giáo viên sử dụng kỹ thuật lớp học đảo ngược để học sinh tự nghiên cứu phần Tri thức Ngữ văn tại nhà.* *Học sinh vận dụng trí nhớ và kiến thức đã chuẩn bị ở nhà để hoàn thành thử thách giải mã 4 từ khóa lý thuyết quan trọng về truyện ngắn hiện đại, điểm nhìn và ngôn ngữ văn học.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Vận dụng trí nhớ và phần chuẩn bị bài ở nhà để chọn phương án trắc nghiệm hoặc điền từ khóa trực tuyến. *Câu 1:* Yếu tố bao gồm chuỗi sự kiện được gắn với vai trò người kể, điểm nhìn và lời văn gọi là gì? **Truyện kể** *Câu 2:* Vị trí để quan sát, trần thuật và đánh giá trong tác phẩm tự sự được gọi là gì? -> **Điểm nhìn** *Câu 3:* Sự kết nối, giao thoa giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật tạo nên hình thức lời văn nào? -> **Lời nửa trực tiếp / Độc thoại nội tâm** *Câu 4:* Ngôn ngữ âm thanh gắn liền với hoạt động giao tiếp đời sống thường nhật thuộc loại ngôn ngữ nào? -> **Ngôn ngữ nói** - GV quan sát tinh thần làm việc của cả lớp, màn hình máy tính của GV sẽ ghi nhận trực tiếp biểu đồ làm bài theo thời gian thực. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Giáo viên chọn học sinh xuất sắc hoàn thành nhanh nhất các câu hỏi. - GV gọi nhanh 1 học sinh giải thích lại từ khóa ở câu hỏi có nhiều bạn làm sai nhất (nếu có) để tạo tính tương tác tại lớp. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - Giáo viên đánh giá, tuyên dương tinh thần tự học ở nhà của học sinh. - **Chuẩn hóa kiến thức:** GV chiếu slide nội dung cô gọn (mục I) lên màn hình, yêu cầu học sinh chụp lại màn hình hoặc đánh dấu vào sách giáo khoa để làm căn cứ lý thuyết soi chiếu khi phân tích văn bản.	**I. TÌM HIỂU TRI THỨC NGỮ VĂN** **1. Truyện ngắn hiện đại** Thể loại tự sự cỡ nhỏ; xoay quanh một, hai tình huống gây ấn tượng mạnh; chi tiết chắt lọc, dồn nén và vận dụng bút pháp chấm phá. **2. Câu chuyện và Truyện kể** - *Câu chuyện:* Nội dung cốt lõi (nhân vật, bối cảnh, sự kiện) sắp xếp theo trật tự thời gian phẳng. - *Truyện kể:* Không đồng nhất với câu chuyện; bao gồm sự kiện gắn liền với vai trò người kể, hệ thống điểm nhìn và lớp lời văn nghệ thuật. **3. Điểm nhìn trong truyện kể** - *Khái niệm:* Vị trí để quan sát, trần thuật, đánh giá. - *Phân loại:* Điểm nhìn người kể/nhân vật; bên trong/bên ngoài; không gian/thời gian; tâm lý, tư tưởng. - *Tác dụng:* Điểm nhìn thấu suốt (định hướng cho người đọc) hoặc đa điểm nhìn (tạo tính đối thoại, phát huy vai trò chủ động của người đọc). **4. Lời người kể chuyện và Lời nhân vật** - *Lời người kể:* Gắn với ngôi kể, điểm nhìn, giọng điệu của vai kể. Chức năng: miêu tả, trần thuật, đánh giá. - *Lời nhân vật:* Ngôn ngữ đối thoại/độc thoại gắn với ý thức, giọng điệu nhân vật.

- GV dẫn dắt vào văn bản *Vợ nhặt*	- *Mối quan hệ:* Giao thoa tạo nên lời nửa trực tiếp, độc thoại nội tâm, lời nhại. **5. Ngôn ngữ nói và Ngôn ngữ viết** - *Ngôn ngữ nói:* Ngôn ngữ âm thanh (thính giác), gắn với giao tiếp thường nhật. Dạng đặc biệt: xuất hiện dưới hình thức văn bản viết. - *Ngôn ngữ viết:* Thể hiện bằng chữ viết (sách báo, văn bản). Dạng đặc biệt: được truyền tải bằng âm thanh (văn bản đọc).

2.2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- Học sinh nêu được ấn tượng chung về tác giả, tác phẩm; trình bày được các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, phong cách nghệ thuật, vị trí văn học, xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác, tóm tắt được cốt truyện và giải mã được ý nghĩa nhan đề.

- Phát huy NLS:

1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Học sinh biết cách thẩm định độ tin cậy và tính xác thực của các nguồn dữ liệu văn học tra cứu được trên môi trường số.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình kiến thức chung về tác giả, tác phẩm bằng bảng trình chiếu.

c. Sản phẩm: Bản trình chiếu PowerPoint/Canva của học sinh có ghi rõ nguồn trích dẫn

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Tác phẩm	
Xuất xứ	
Hoàn cảnh sáng tác	
Tóm tắt truyện	
Ý nghĩa nhan đề	

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV hướng dẫn HS tự chuẩn bị bài ở nhà theo Phiếu học tập số 2. *Yêu cầu số:*	**II. Tìm hiểu chung** **1.Tác giả Kim Lân** - Nhà văn tiêu biểu của truyện ngắn. - Phong cách: kể chuyện tự nhiên, giàu chất hiện thực và tính nhân văn; ngôn ngữ bình dị, đậm

- Khuyến khích HS sử dụng Trí tuệ nhân tạo (Gemini/ChatGPT) hoàn thành phiếu học tập, sau đó đối chiếu lại với SGK để kiểm chứng tính chính xác **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân hoặc theo nhóm nhỏ, rà soát lại nội dung Phiếu học tập số 2 trên điện thoại/máy tính hoặc bản viết tay. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện nhóm trình bày kết quả. - GV gọi một HS chia sẻ trải nghiệm: *" AI tóm tắt truyện Vợ nhặt có làm đúng yêu cầu, mong muốn của em không? Có chi tiết nào bị nhầm lẫn hay cần bổ sung?"* để học sinh rèn luyện tư duy phản biện khi dùng công nghệ. - HS khác có thể nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, **chuẩn kiến thức theo đúng dự kiến sản phẩm của Phiếu học tập số 2.** ***Nhiệm vụ : Đọc và tìm hiểu chung về ý nghĩa nhan đề văn bản** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp theo cặp đôi (hoặc nhóm bàn) và phát ra một thử thách giao tiếp với công nghệ: - *Nhiệm vụ:* Hãy sử dụng điện thoại thông minh, truy cập vào ứng dụng AI (Gemini/ChatGPT) và nhập câu lệnh (prompt): **"Hãy phân tích ngắn gọn ý nghĩa nhan đề Vợ nhặt của Kim Lân trong 3 dòng"**. - *Yêu cầu phản biện:* Các em hãy đọc kết quả AI trả về, đối chiếu với Tri thức Ngữ văn trong SGK để **nhận xét** xem câu trả lời của AI có chính	chất đời sống nông thôn. - Tác phẩm chính: *Nên vợ nên chồng, Con chó xấu xí, Tuyển tập Kim Lân*. **2. Tác phẩm "Vợ nhặt"** **a. Xuất xứ:** In trong tập *Con chó xấu xí* (tiền thân là tiểu thuyết *Xóm ngụ cư*). **b. Hoàn cảnh sáng tác:** Viết sau Cách mạng tháng Tám, hoàn chỉnh sau năm 1954. **c. Tóm tắt:** Tràng "nhặt" được vợ giữa nạn đói 1945; bà cụ Tứ đón nhận nàng dâu trong xót thương và hi vọng; kết thúc mở với niềm tin vào cách mạng. **d. Ý nghĩa nhan đề "Vợ nhặt"** - Gây ấn tượng, kích thích sự tò mò. - Thể hiện tình huống truyện độc đáo, éo le. - Gợi sự rẻ rúng của thân phận con người trong nạn đói. - Khẳng định giá trị nhân đạo, khát vọng hạnh phúc và niềm tin vào cuộc sống.

xác không, đã nêu bật được sự đối lập giữa hai từ "Vợ" và "nhặt" chưa? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS trong nhóm mở điện thoại, nhập câu lệnh vào AI, cùng đọc kết quả và thảo luận nhanh để nhặt ra các từ khóa đúng. - HS tiến hành đối chiếu và ghi nhận xét nhanh vào nháp. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV gọi đại diện 1 - 2 nhóm đứng dậy đọc câu trả lời của AI và đưa ra lời nhận xét của nhóm mình. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét tinh thần chủ động tương tác với AI và tư duy phản biện của học sinh, không phụ thuộc hoàn toàn vào máy móc. - GV chuẩn hóa kiến thức lên màn hình tivi	

2.3: Đọc hiểu văn bản

a. Mục tiêu:

- Biết cách đọc văn bản truyện hiện đại, chú ý đổi giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm, tham gia chương trình Talk show để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, Phiếu học tập số 3 đã hoàn thiện (dạng bản giấy chụp ảnh gửi lên nhóm hoặc file số hóa) của cá nhân và nhóm; kịch bản/hình ảnh trình chiếu phục vụ Talk show.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **** GV chia lớp thành các nhóm,*** thảo luận các vấn đề theo yêu cầu, ghi kết quả vào giấy nhớ (bước 1), chuẩn bị trình bày trước lớp. **Nhóm 1: Bối cảnh thời gian - không gian** Xác định bối cảnh thời gian, không gian truyện. **Nhóm 2: Mạch truyện và tình huống truyện** - Câu chuyện trong *Vợ nhặt* được kể theo trình tự nào và có thể chia làm mấy phần? - Xác định tình huống truyện và nêu ý nghĩa của nó. **Nhóm 3: Nhân vật và các chi tiết tiêu biểu** - ***Trước khi Tràng nhặt được vợ*** (Chú ý ngôn ngữ và cách ứng xử của người phụ nữ trước khi theo Tràng về nhà; Việc Tràng chấp nhận hành động "theo về" của một người phụ nữ xa lạ thể hiện nét tính cách gì của nhân vật?) - ***Trên đường đưa vợ về nhà*** (Tâm trạng của Tràng và người "vợ nhặt" được bộc lộ qua những biểu hiện bên ngoài (ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ…) nào? Người dân trong xóm nghĩ và bàn luận gì khi thấy Tràng dẫn một người phụ nữ lạ về nhà?) - ***Về đến nhà*** (Những chi tiết nào thể hiện sự thay đổi trong tâm trạng của Tràng và người "vợ nhặt" khi về đến nhà? Tình cảm của bà cụ Tứ dành cho người con dâu mới được thể hiện qua giọng điệu và những từ ngữ nào?) - ***Buổi sáng hôm sau*** (Chú ý những chi tiết miêu tả sự thay đổi của nhân vật Tràng, bà cụ Tứ và người "vợ nhặt" trong	**IV. Khám phá văn bản** **1. Bối cảnh thời gian – không gian** - **Khung cảnh ngày đói:** không gian thê lương, chết chóc (hình ảnh, âm thanh, mùi vị ám ảnh) → làm nổi bật hiện thực khốc liệt của nạn đói 1945. - **Khung cảnh ngày mới:** cảnh vật, con người đổi thay theo hướng tươi sáng; các nhân vật hướng đến tổ ấm và tương lai → khẳng định sức sống, niềm hi vọng. **2. Mạch truyện và tình huống truyện** - **Mạch truyện:** kể theo trình tự thời gian, kết hợp hồi tưởng; gồm 4 phần. - **Tình huống truyện:** Tràng "nhặt" được vợ giữa nạn đói. - **Ý nghĩa:** tình huống độc đáo, tạo sức hấp dẫn; tố cáo hiện thực tàn khốc, làm nổi bật giá trị nhân đạo và khát vọng sống. **3. Nhân vật và các chi tiết tiêu biểu** - **Tràng:** từ vô tư, nghèo khổ → trưởng thành, có trách nhiệm, tin tưởng vào tương lai. - **Người vợ nhặt:** từ chao chát, liều lĩnh vì miếng ăn → hiền hậu, đúng mực, biết vun vén gia đình. - **Bà cụ Tứ:** giàu tình mẫu tử, bao dung, lạc quan, luôn gieo hi vọng. - **Chi tiết nghệ thuật tiêu biểu:** nồi cháo cám, lá cờ đỏ, bữa cơm ngày đói... góp phần thể hiện hiện thực khốc liệt và tư tưởng nhân đạo của tác phẩm. *** Tích hợp giáo dục lí tưởng, đạo đức, lối sống** - Giáo dục ý thức trách nhiệm với gia đình (qua nhân vật Tràng). - Bồi dưỡng nghị lực, tinh thần lạc quan trước nghịch cảnh (qua bà cụ Tứ).

buổi sáng của ngày đầu tiên sau khi Tràng nhặt được vợ) - ***Bữa cơm ngày đói*** (Chú ý vai trò của chi tiết nồi chè khoán; Tại sao bà cụ Tứ ngoảnh vội ra ngoài, "không dám để con dâu nhìn thấy" mình khóc? Tràng có tâm trạng như thế nào khi nghe câu chuyện mà người "vợ nhặt" kể? Hình ảnh "lá cờ đỏ" hiện lên trong tâm trí của Tràng có ý nghĩa gì?) - Theo trình tự của câu chuyện, các nhân vật đã có những thay đổi như thế nào từ diện mạo, tâm trạng đến cách ứng xử? **Nhóm 4: Nghệ thuật kể chuyện** Phân tích những nét đáng chú ý trong cách người kể chuyện quan sát và miêu tả sự thay đổi của các nhân vật (thể hiện ở các khía cạnh: điểm nhìn, lời kể và giọng điệu) **Nhóm 5: Quan điểm, tư tưởng của nhà văn** - Giữa nhan đề *Vợ nhặt* và nội dung câu chuyện có mối quan hệ với nhau như thế nào? - Hãy nêu chủ đề và đánh giá giá trị tư tưởng của tác phẩm. **** Yêu cầu số và phân công công việc:*** **Tất cả các thành viên trong nhóm** đều phải tham gia vào quá trình thảo luận để giải quyết hệ thống câu hỏi chuyên môn. + Các thành viên cùng ghi ý kiến thống nhất lên bảng phụ/giấy nhớ. **+ Cả nhóm cùng tham gia xây dựng kịch bản đối thoại ngắn** (gồm 1 câu hỏi dự kiến của MC và 1 câu trả lời của nhóm) để tiếp sức cho bạn đại diện nhóm. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS các nhóm tiến hành thảo luận trực tiếp. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**	- Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tin vào Cách mạng, ý thức cống hiến (qua hình ảnh lá cờ đỏ). **4. Nghệ thuật kể chuyện** - Tình huống truyện độc đáo; kết cấu linh hoạt, có hồi tưởng. - Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. - Điểm nhìn, lời kể, giọng điệu tự nhiên, giàu giá trị hiện thực và nhân văn. **5. Quan điểm, tư tưởng của nhà văn** - **Nhan đề:** gợi tình huống éo le, phản ánh thân phận rẻ rúng của con người và khát vọng hạnh phúc. - **Chủ đề:** phản ánh số phận người nông dân trong nạn đói 1945; khẳng định tình người, khát vọng sống và niềm tin vào tương lai. - **Giá trị tư tưởng:** **+ Hiện thực:** tố cáo tội ác của phát xít, thực dân; phản ánh thảm cảnh nạn đói. **+ Nhân đạo:** trân trọng phẩm chất, khát vọng sống, tình yêu thương và niềm tin vào Cách mạng.

Cử đại diện nhóm trình bày (hoặc gv có thể chỉ định trình bày) **Bước 4: Đánh giá, kết luận** **- GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức:** - Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động, khen ngợi tinh thần hợp tác nhóm và khả năng ứng dụng công nghệ hiệu quả của học sinh.	

2.4: Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu:

- Học sinh khái quát hóa được các giá trị về nghệ thuật, nội dung và ý nghĩa nhân văn sâu sắc của văn bản.

- Học sinh truy cập vào hệ thống (Quizizz/Kahoot) thông qua mã QR/đường link để thực hiện trò chơi trắc nghiệm tổng kết.

+ Học sinh áp dụng cách tạo lập và chỉnh sửa nội dung số cơ bản (sử dụng thiết bị số chụp ảnh sản phẩm, sơ đồ tư duy) để hệ thống hóa kiến thức bài học một cách trực quan.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS .

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Học sinh thực hiện sơ đồ tư duy tổng kết. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Hs dùng bảng phụ hoặc giấy A0 để vẽ sơ đồ tư duy **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** Giáo viên chiếu 2-3 hình ảnh sơ đồ tư duy của học sinh đã làm lên màn hình, tổ chức cho cả lớp nhận xét chéo về tính logic và thẩm mỹ. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV chiếu trực tiếp 2 file ảnh sơ đồ tư duy đó lên tivi lớp học để cả lớp cùng quan sát, nhận xét chéo về nội dung và nghệ thuật. GV chốt kiến thức bằng slide. ***Tích hợp giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống:**	**V. Khái quát giá trị tác phẩm** **1. Nội dung** - Khẳng định sức sống, khát vọng hạnh phúc và niềm tin vào tương lai của người lao động nghèo trong nạn đói 1945. - Ca ngợi tình người, tình thương và giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm. **2. Nghệ thuật** - Tình huống truyện độc đáo, giàu ý nghĩa. - Kết cấu tự nhiên, nghệ thuật trần thuật hấp dẫn. - Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. - Xây dựng nhân vật, đối thoại và không khí truyện đặc sắc. - Ngôn ngữ mộc mạc, giàu sức gợi, đậm chất đời sống nông thôn Bắc Bộ. **3. Giáo dục lí tưởng, đạo đức, lối sống** - Bồi dưỡng lòng nhân ái, tinh thần sẻ chia, trách nhiệm với gia đình và cộng đồng.

*"Đúng như các em vừa phát hiện. Họ dù là ai, ở vị trí nào (người chồng, người vợ, hay người mẹ), họ đều gặp nhau ở một giao điểm: Lấy **tình yêu thương** làm đạo đức lối sống, và lấy **niềm tin vào tương lai, vào cách mạng** làm lí tưởng dẫn đường..."*	- Củng cố niềm tin vào tương lai, khơi dậy ý thức cống hiến cho đất nước.

PHỤ LỤC: BỘ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM TỔNG KẾT (Rung chuông Vàng)

Nhóm 1: Tổng kết Giá trị Nội dung

Bộ 1: *Câu hỏi: Giá trị nhân đạo sâu sắc nhất mà Kim Lân thể hiện qua "Vợ nhặt" là gì?*

A. Phản ánh nỗi đau khổ, tủi nhục của người dân nghèo trong nạn đói năm 1945.

B. Tố cáo tội ác của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã đẩy người dân vào bước đường cùng.

C. Khẳng định khát vọng sống, niềm tin bất diệt vào hạnh phúc và tình người ấm áp ngay trên bờ vực cái chết.

D. Phê phán sự ích kỷ của những người dân trong xóm ngụ cư trước số phận người khác.

(Đáp án đúng: C)

Bộ 2:

Câu hỏi: Qua diễn biến câu chuyện và số phận các nhân vật, "Vợ nhặt" đã khái quát hiện thực xã hội Việt Nam thời điểm trước Cách mạng tháng Tám như thế nào?

A. Phản ánh sự khủng hoảng trầm trọng về kinh tế nhưng con người vẫn được đảm bảo quyền tự do sinh sống.

B. Phê phán sự trì trệ của các hủ tục lạc hậu đã ngăn cản hạnh phúc lứa đôi của người nông dân.

C. Vạch trần sự thật tàn khốc về nạn đói khủng khiếp, cùng với đó là sự tố cáo tội ác của kẻ thù đã đẩy người nông dân vào cảnh đường cùng, chết chóc.

D. Khẳng định rằng trong bất kỳ hoàn cảnh nào, người nông dân cũng có thể tự vươn lên thoát khỏi sự nghèo khó bằng sức lao động của chính mình.

(Đáp án đúng: C)

Nhóm 2: Tổng kết Giá trị Nghệ thuật

Bộ 1: *Câu hỏi: Điểm đặc sắc nhất trong nghệ thuật xây dựng tình huống truyện của "Vợ nhặt" là gì?*

A. Tình huống truyện mang tính ngẫu nhiên, không gây bất ngờ cho người đọc.

B. Tình huống "nhặt vợ" vừa éo le, bi hài, vừa cảm động, vừa thúc đẩy diễn biến tâm lý nhân vật.

C. Tình huống truyện dựa trên những sự kiện lịch sử có thật nhưng thiếu sự sáng tạo hư cấu.

D. Tình huống truyện tập trung chủ yếu vào việc mô tả cảnh đói khát rợn người của làng quê.

(Đáp án đúng: B)

Bộ 2: *Câu hỏi: Ngôn ngữ kể chuyện của Kim Lân trong tác phẩm có đặc điểm gì nổi bật?*

A. Sử dụng ngôn ngữ bác học, cầu kỳ, xa lạ với đời sống người nông dân.

B. Ngôn ngữ trang trọng, thường được dùng trong các văn bản nghị luận.

C. Giản dị, đời thường nhưng chắt lọc kỹ lưỡng, giàu sức gợi và đậm chất Bắc Bộ.

D. Ngôn ngữ mang tính ước lệ, tượng trưng, thoát ly hoàn toàn khỏi đời sống thực tế. *(Đáp án đúng: C)*

Nhóm 3: Tích hợp Giáo dục Đạo đức, Lối sống (01 bộ)

Bộ 1: *Câu hỏi: Hành động "nhặt vợ" của Tràng và sự đón nhận của bà cụ Tứ gợi cho em bài học gì về trách nhiệm đối với cuộc sống?*

A. Chỉ nên quan tâm đến bản thân mình trong những hoàn cảnh khó khăn.

B. Cần phải có tinh thần sẻ chia, biết yêu thương, đùm bọc và nuôi dưỡng niềm hy vọng ngay trong nghịch cảnh.

C. Phải biết tiết kiệm, không được đón nhận người lạ vào gia đình khi đói kém.

D. Chỉ nên sống cho hiện tại, không cần bận tâm đến tương lai hay những người xung quanh.

(Đáp án đúng: B)

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học để thực hiện bài tập viết ngắn.

- Học sinh hình thành tư duy phản biện và tạo lập văn bản

b. Nội dung: Viết đoạn văn

c. Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ 1: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về một thông điệp có ý nghĩa với bản thân được rút ra từ truyện ngắn *Vợ nhặt*.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân (10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Hs trình bày đoạn văn hoặc gv gọi 1 vài hs đem sản lên gv chấm và chỉnh sửa.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV trình chiếu Đoạn văn tham khảo chuẩn để học sinh học tập cách viết có chiều sâu.

BẢNG RUBRIC ĐÁNH GIÁ ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN (150 CHỮ)

(Dùng cho học sinh đối chiếu, đánh giá sản phẩm của AI và bài làm của cá nhân/bạn học)

Tiêu chí	CHƯA ĐẠT	ĐẠT	XUẤT SẮC	Điểm tối đa
Hình thức & Dung lượng	- Viết thành nhiều đoạn văn hoặc sai kiểu đoạn. - Quá dài hoặc quá ngắn	- Đảm bảo đúng cấu trúc 01 đoạn văn duy nhất. - Dung lượng khoảng 150 chữ	- Đúng cấu trúc đoạn văn, dung lượng chuẩn chỉnh. - Có sự mạch lạc cao, các câu liên kết chặt chẽ, tự nhiên.	**1.0 điểm**
Nội dung & Minh chứng Văn học	- Chưa gọi tên được thông điệp ý nghĩa. - Bài viết chung chung, sáo rỗng,	- Nêu rõ ràng một thông điệp ý nghĩa từ truyện *Vợ nhặt*. - Phân tích ngắn gọn, hợp lý; có đưa ra được chi tiết tiêu biểu từ tác phẩm	- Gọi tên thông điệp sắc sảo, có chiều sâu tư tưởng. - Bằng chứng văn học chọn lọc đắt giá; phân tích thấu đáo, gắn kết chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng.	**6.0 điểm**
Chính tả, Ngữ pháp & Văn phong	- Mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ sai nghĩa hoặc lỗi diễn đạt. - Văn phong ngô nghê hoặc quá rập khuôn, máy móc.	- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. - Diễn đạt trôi chảy	- Không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. - Cách dùng từ phong phú, giàu sức gợi cảm, văn phong uyển chuyển, lôi cuốn.	**1.5 điểm**
Tư duy Sáng tạo & Góc nhìn mới	- Sao chép văn mẫu hoặc chép nguyên văn sản phẩm của AI mà không có sự chọn lọc, biến đổi.	- Thể hiện được suy nghĩ riêng, bộc lộ sự đồng cảm chân thành với số phận nhân vật.	- Có phát hiện hoặc góc nhìn mới mẻ, sâu sắc về giá trị nhân đạo. - Biết kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt để tăng sức thuyết phục.	**1.5 điểm**
TỔNG ĐIỂM				**10 ĐIỂM**

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo

Ngay bên vực thẳm của cái chết, ngay trên cái nền bi thảm của nạn đói năm 1945, con người vẫn giữ được lòng tin yêu, vẫn biết khát khao hạnh phúc, vẫn mong ước hướng tới tương lai. Tất cả những đói nghèo, những chết chóc, bi thương bỗng chốc nhòe mờ. Chỉ còn lại tình người sáng lên lấp lánh. Có lẽ, chính tình người đã trở thành thứ sức mạnh diệu kì nhất cứu con người ta thoát khỏi mọi khổ đau, thoái khỏi cùng đường, tuyệt lộ. Chính tình người đã khiến một người đàn ông túng đói thành trượng nghĩa, khiến một người đàn bà rách nát tìm được chỗ tựa nương, khiến người mẹ nghèo càng thêm thương con trai

mình và càng thêm đồng cảm với người con dâu là "Vợ nhặt". Trong không khí ảm đạm, chính tình người đã thắp lên hi vọng về sự sống mà còn là sự sống tươi đẹp gắn liền với gia đình ấm êm, hạnh phúc,…

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Học sinh vận dụng kĩ năng đọc truyện để đọc mở rộng các văn bản truyện khác, tích lũy được vốn sống và trải nghiệm cho bản thân.

b. Nội dung: Thực hiện các bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 4 và đoạn văn bày tỏ quan điểm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

Nhiệm vụ 1: Có thể xem truyện ngắn *Vợ nhặt* là một câu chuyện cổ tích trong nạn đói hay không? Nêu và phân tích quan điểm của bạn về điều này.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Tác phẩm	Truyện cổ tích	Vợ nhặt
Hoàn cảnh của các nhân vật		
Con đường đến với hạnh phúc		
Kết thúc		
Quan điểm cá nhân		

Nhiệm vụ 2: Tìm đọc thêm các tác phẩm truyện ngắn của Kim Lân, các tác phẩm truyện ngắn về nạn đói 1945

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

HS thể hiện quan điểm cá nhân bằng việc hoàn thành phiếu học tập số 4, tìm đọc thêm các tác phẩm (Phân chia công việc theo nhóm nhỏ)

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ quan điểm cá nhân nhiệm vụ 1 (tại lớp nếu còn thời gian)
- HS làm việc nhóm để tìm kiếm, đọc tài liệu và chia sẻ, trao đổi (sau 1 tuần)

Bước 4. Kết luận, nhận định

GV nêu nhận xét về phần làm việc của cá nhân HS, của các nhóm và tổng kết các thông tin mà cả lớp đã thu thập, phân tích.

Gợi ý:

Đoạn văn tham khảo thực hiện nhiệm vụ 1

Không cần đến phép nhiệm màu, con người với trái tim yêu thương và niềm khao khát hạnh phúc đã có thể vươn tới một kết thúc có hậu ngay trong chính hoàn cảnh khốn cùng. Đó chính là sắc màu cổ tích tuyệt đẹp trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của Kim Lân. Kim Lân đã không tặng cho nhân vật của mình một cuộc sống màu hồng như người xưa đã tặng cho Lọ Lem, Bạch Tuyết,… Nhân vật trong truyện được đặt vào giữa cái đói, cái chết. Đến khi kết thúc truyện, sự ấm no vẫn chưa tìm đến nhưng họ đã tìm thấy nhau, tìm thấy hạnh phúc, thấy gia đình, thấy tình người. Và đặc biệt, người đọc đến trang cuối vẫn không tìm thấy hũ vàng, không tìm thấy vương miện mà lại cảm nhận được tinh thần lạc quan, ý chí đấu tranh, và niềm tin vào tương lai tươi sáng đang lan tỏa và thôi thúc…

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1.CỦNG CỐ VÀ SÁNG TẠO

11.C2.MR1. Sử dụng được công cụ AI để tạo và biên tập nội dung học liệu phục vụ học tập và đánh giá sản phẩm học tập.

*NHÓM 1: THIẾT KẾ POSTER ĐỒ HỌA CỐT TRUYỆN

- Nhiệm vụ: Tóm tắt toàn bộ cốt truyện và các đơn vị kiến thức cốt lõi của tác phẩm *Vợ nhặt* dưới dạng một Poster đồ họa/Sơ đồ tư duy số.

- Cách thức thực hiện:

+ Học sinh sử dụng các phần mềm, ứng dụng thiết kế đồ họa phổ thông và miễn phí trên điện thoại hoặc máy tính (như Canva, PowerPoint).

+ Sản phẩm yêu cầu phải phối hợp hài hòa giữa kênh chữ (tóm tắt ngắn gọn, logic các chặng chuyển biến của mạch truyện: *trước khi nhặt vợ, trên đường về, về đến nhà, buổi sáng hôm sau, bữa cơm ngày đói*) và kênh hình (màu sắc, hình ảnh minh họa phù hợp với bối cảnh tác phẩm).

* NHÓM 2: GIAI ĐIỆU NHÂN VẬT VỚI SUNO AI

- Nhiệm vụ: Sáng tác một bài hát về một nhân vật mà em yêu thích nhất trong tác phẩm (*Tràng, người vợ nhặt, hoặc bà cụ Tứ*).

- Yêu cầu nội dung: Lời bài hát (Lyrics) do nhóm tự viết (hoặc sử dụng công cụ Chat/Gemini hỗ trợ gieo vần, mượt mà câu chữ) phải làm bật lên được:

1. Lý do yêu thích nhân vật (gắn với các chi tiết tiêu biểu).
2. Tình cảm, sự thấu cảm của bản thân dành cho số phận của nhân vật.
3. Ý tưởng cuộc sống, thông điệp ý nghĩa gợi ra từ nhân vật đó.

- Cách thức thực hiện:

+ Bước 1: Cả nhóm thảo luận để hoàn thiện phần lời văn học (dạng thơ 4 chữ, 5 chữ hoặc lời tự do để máy dễ bắt nhịp).

+ Bước 2: Copy phần lời thả vào công cụ **Suno AI**, chủ động **tùy chọn phong cách nhạc (Style) phù hợp với đặc điểm và tâm lý của nhân vật** để AI xuất bản bài hát.

Gợi ý: Nhân vật **Bà cụ Tứ** nên chọn phong cách Dân ca đương đại (Vietnamese Contemporary Folk), Trữ tình hoặc Pop Ballad chậm để diễn tả sự nghẹn ngào, xót thương; nhân vật **Tràng** có thể chọn phong cách Rap hoặc Pop-Rock vui tươi, mộc mạc; nhân vật **Người vợ nhặt** có thể chọn R&B hoặc Acoustic để thể hiện sự biến chuyển tâm lý.

2. NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ BÀI MỚI (Bắt buộc cho tất cả HS)

- Chuẩn bị bài: **Văn bản 2. *Chí Phèo* (Trích) – Nam Cao** (Tìm hiểu phần tác giả, tác phẩm và trả lời trước các câu hỏi trong SGK).

- Khuyến khích học sinh thử đặt câu hỏi cho Trí tuệ nhân tạo (Gemini/ChatGPT) để tham khảo trước thông tin bằng câu lệnh: *"Tóm tắt ngắn gọn phong cách nghệ thuật của nhà văn Nam Cao trong 3 dòng"*. Ghi lại câu trả lời vào vở soạn và nhận xét xem ý của AI giống hay khác với nội dung sách giáo khoa để hôm sau thảo luận.

RÚT KINH NGHIỆM

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ VÀ AI CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động khởi động	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và thuyết trình trước lớp.	**1.1.NC1b - Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Sử dụng được máy tính, điện thoại để truy cập Internet chủ động tra cứu video, tư liệu về Nạn đói năm 1945 và hoàn cảnh ra đời truyện ngắn *Vợ nhặt*.
2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu.	**1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Học sinh biết cách thẩm định độ tin cậy và tính xác thực của các nguồn dữ liệu văn học tra cứu được trên môi trường số.
3	Củng cố và sáng tạo	Sáng tác một bài hát về một nhân vật mà em yêu thích nhất trong tác phẩm	**11.C2.MR1.** Sử dụng được công cụ AI để tạo và biên tập nội dung học liệu phục vụ học tập và đánh giá sản phẩm học tập**.**

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

Tiết:4-6

VĂN BẢN 2: CHÍ PHÈO

(Trích) - Nam Cao-

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

-Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Qua quá trình dạy **Đọc, giúp HS:**

- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà nhà văn muốn gửi đến người đọc thông qua văn bản.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,..

c. Năng lực số

- **1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số:** Sử dụng được máy tính, điện thoại truy cập Internet để chủ động tra cứu video, tư liệu về tác giả Nam Cao, đời sống người nông dân Việt Nam thời kỳ ngột ngạt trước Cách mạng tháng Tám 1945 và hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn *Chí Phèo* (tập *Luống cày*)...
- **1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống (các bài nghiên cứu của Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Đăng Mạnh, Phong Lê,...) về tác phẩm *Chí Phèo* trên môi trường số.

2. Phẩm chất

- Thể hiện tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng những khát khao được yêu thương, chia sẻ,…

- Tích hợp giáo (Tích hợp giáo dục lí tưởng, đạo đức, lối sống):

+ Nuôi dưỡng lòng nhân ái, sự thấu cảm sâu sắc trước nỗi đau và bi kịch của những con người yếu thế trong xã hội; có thái độ bao dung, tử tế và không định kiến khi đánh giá con người trong đời sống hiện đại.

+ Rút ra bài học đạo đức về việc giữ gìn bản lĩnh, ý thức bảo vệ phẩm giá và "thiên lương" của bản thân trước các cám dỗ vật chất, bạo lực ngoài đời thực lẫn trên không gian mạng.

+ Xác định rõ ý thức trách nhiệm và lí tưởng cách mạng của thế hệ trẻ: Hiểu được cái giá của tự do độc lập thời bình thông qua bức tranh bế tắc của xã hội cũ; biến nhận thức lịch sử thành động lực cống hiến tri thức cho đất nước.

+ Giáo dục lí tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống: GD truyền thống nhân đạo, tình yêu thương con người, sống có bản lĩnh để không bị cám dỗ, tha hóa…

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị kỹ thuật số:. Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.

- Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm: Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).

- Thiết bị truyền thống: Bảng phụ hoặc giấy A0, bút dạ đa màu cho các hoạt động thảo luận viết tay tại chỗ.

2. Học liệu dạy học:

Mã QR dẫn link bài giảng điện tử (PowerPoint/Canva), video trích đoạn phim điện ảnh *"Làng Vũ Đại ngày ấy"* phục vụ phân tích hình tượng Chí Phèo và Thị Nở.

+ Học liệu in ấn: Sách giáo khoa Ngữ văn, văn bản truyện ngắn *Chí Phèo* (bản đầy đủ), Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.

+ Công cụ đánh giá: Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

- Tư liệu tham khảo văn học: Sách *"Nam Cao - Về tác gia và tác phẩm"* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

Huy động được tri thức nền, kinh nghiệm và vốn sống của học sinh về đề tài người nông dân trước Cách mạng và khái niệm "định kiến xã hội", từ đó kích thích sự tò mò, hứng thú đối với thế giới nhân vật của Nam Cao.

b. Nội dung hoạt động: Trò chơi "**Truy tìm bí mật"**

c. Sản phẩm: Biểu đồ đám mây từ khóa (Word Cloud) hoặc các thẻ ý kiến được hiển thị trực tuyến trên màn hình lớp học (Padlet/Mentimeter) chứa câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV trình chiếu hình ảnh 3 nhân vật trong truyện ngắn Nam Cao: **Lộ** (*Tư cách mõ*), **Lang Rận**, **Chí Phèo**. - GV giao nhiệm vụ: *"Hãy tìm từ khoá chỉ ra nguyên nhân bi kịch của các nhân vật trên."*







- GV đặt câu hỏi: Hãy tìm từ khóa chỉ ra nguyên nhân bi kịch của các nhân vật trên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- Hs trả lời
- GV quan sát, khích lệ những câu trả lời có tính phát hiện độc đáo.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Mời 1 - 2 HS đại diện giải thích nhanh vì sao mình lại chọn từ khóa đó (Ví dụ: từ khóa *Đói nghèo, Miếng ăn, Định kiến, Hoàn cảnh, Xã hội...*).

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- GV nhận xét, tổng hợp các từ khóa của HS. Nhấn mạnh vào hai từ khóa xuất hiện nhiều nhất: **"Hoàn cảnh"** và **"Định kiến"**.
- GV kết nối và đặt câu hỏi chiều sâu (theo SGK):

+ Thế nào là định kiến xã hội? Các định kiến xã hội có thể ảnh hưởng đến cá nhân và cộng đồng như thế nào?

+ Trong thực tế, "Chí Phèo" đã trở thành một kiểu tính cách, lối sống. Đó là kiểu tính cách, lối sống nào?

Dự kiến trả lời:

- Định kiến xã hội là những suy nghĩ áp đặt theo một quy chuẩn (thường là theo tiêu chuẩn của xã hội cũ) lên hành vi, lối sống của người khác thường là tiêu cực. Các định kiến xã hội có thể đem đến ảnh hưởng rất lớn đến cá nhân, cộng đồng. Những người xung quanh

họ sẽ sợ bị phán xét, bị trở thành tâm điểm của các cuộc trò chuyện vì vậy họ không dám là chính mình, theo đuổi đam mê của chính mình. Hay đối với cộng đồng luôn mang trong mình những định kiến sẽ kìm hãm sự phát triển, phá cách của con người và từ đó, kìm hãm cả sự phát triển của toàn xã hội.

- "Chí Phèo" thường chỉ cách cư xử của những kẻ hay nghiện rượu, say xỉn, không chịu khó làm ăn, bòn rút tiền của vợ con, không tử tế, thích đánh lộn, không chịu làm ăn và gây đau khổ cho người khác.

➔ **Vào bài:**

*Các em thân mến, qua phần tương tác công nghệ vừa rồi, chúng ta thấy từ khóa **'Định kiến'** và **'Hoàn cảnh'** hiện lên rất nổi bật. Nam Cao từng viết: 'Một người đau chân có lúc nào quên được cái chân đau của mình để nghĩ đến một cái gì khác đâu?'. Xã hội cũ với những định kiến tàn nhẫn và hoàn cảnh nghiệt ngã đã bóp nghẹt quyền làm người của những con người lương thiện, biến họ thành 'Tư cách mõ', thành 'Lang Rận' và đau đớn nhất là biến một anh canh điền hiền như đất thành 'quỷ dữ làng Vũ Đại' – Chí Phèo.*

Vậy điều gì đã làm nên tầm vóc vĩ đại của kiệt tác này? Liệu sức mạnh nào có thể phá vỡ được vòng vây của định kiến xã hội để cứu rỗi thiên lương con người? Chúng ta sẽ cùng ứng dụng tri thức văn học và cả các công cụ số để đi sâu giải mã thế giới tăm tối nhưng lóe sáng tình người của 'Chí Phèo' trong bài học hôm nay."

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm

a. Mục tiêu:

- Nêu được các nét cơ bản về tiểu sử cuộc đời, sự nghiệp văn học (đề tài, tác phẩm tiêu biểu, phong cách nghệ thuật), vị trí và tầm ảnh hưởng của Nam Cao; bối cảnh, nhan đề và cốt truyện của *Chí Phèo*.

- Phát triển Năng lực số:

+ Học sinh rèn luyện năng lực đánh giá, chọn lọc tư liệu chính thống trên không gian mạng, đảm bảo độ tin cậy trước khi đưa vào bài học.

+ Học sinh thực hiện đúng các quy tắc trích dẫn nguồn khi sử dụng tư liệu từ Internet để đảm bảo tính minh bạch và tôn trọng bản quyền.

+ Học sinh thành thạo kỹ năng sáng tạo nội dung số thông qua các công cụ như Canva hoặc PowerPoint để thiết kế bài thuyết trình trực quan, sinh động.

- **Tích hợp Phẩm chất (Lí tưởng sống):** Học sinh bước đầu cảm nhận được chiều sâu tư tưởng của Nam Cao – nhà văn luôn đau đáu về việc giữ gìn thiên lương và nhân phẩm con người, từ đó định hình lối sống sống có hoài bão, bản lĩnh.

b. Nội dung hoạt động: Thuyết trình, phản biện và chốt kiến thức chung về tác giả Nam Cao, tác phẩm *Chí Phèo* dựa trên sản phẩm số đã chuẩn bị trước.

c. Sản phẩm:

- Sản phẩm số của các nhóm (Slide PowerPoint/Canva, Infographic tổng hợp kiến thức hoặc Sơ đồ tư duy).
- Phiếu học tập cá nhân (KWL hoặc hệ thống câu hỏi tóm tắt) ghi chép lại kiến thức.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia 04 nhóm - **Phát triển NLS: 1.1NCb** - Sử dụng được máy tính, điện thoại truy cập Internet để chủ động tra cứu video, tư liệu về tác giả Nam Cao, đời sống người nông dân Việt Nam thời kỳ ngột ngạt trước Cách mạng tháng Tám 1945 và hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn *Chí Phèo* (tập *Luống cày*)... ***Nhóm 1** Tìm hiểu tiểu sử, quan điểm nghệ thuật, các đề tài chính (Nông dân, Trí thức nghèo) và vị trí của Nam Cao. ***Nhóm 2** Phân tích các đặc trưng phong cách (tâm lí nhân vật, đa điểm nhìn, ngôn ngữ sinh động). ***Nhóm 3** Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác (1941) và ý nghĩa của 3 lần đổi tên truyện (*Cái lò gạch cũ, Đôi lứa xứng đôi, Chí Phèo*). ***Nhóm 4** Tóm tắt cốt truyện *Chí Phèo* theo dòng thời gian và các chặng đường biến đổi của nhân vật **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** + Đại diện lần lượt các nhóm 1, 2, 3, 4 có 3 phút để thuyết minh, giới thiệu về kiến thức của nhóm mình. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** ***Câu hỏi cho Nhóm 4:*** "Nhìn vào sơ đồ tóm tắt cốt truyện của nhóm bạn, theo bạn đâu là bước ngoặt quan trọng nhất khiến Chí Phèo từ một con quỷ muốn trở lại làm người?" ***Đại diện Nhóm 4 trả lời:*** Đó là chi tiết bát cháo hành của Thị Nở và buổi sáng thức tỉnh tiếng chim hót sau đêm gặp Thị. **Bước 4: Đánh giá, kết luận**	**I. Đọc -Tìm hiểu chung** **1. Tác giả Nam Cao** ***a. Sự nghiệp văn học*** ***- Đề tài sáng tác*** + Đời sống cơ cực của người nông dân. + Các bi kịch của tầng lớp trí thức nghèo ở thành thị. ***- Tác phẩm tiêu biểu*** "Chí Phèo", "Giăng sáng", "Lão Hạc", "Đời thừa", "Truyện người hàng xóm" "Sống mòn", "Đôi mắt", "Ở rừng", ... ***b. Phong cách nghệ thuật*** - Chú trọng diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật, xây dựng các tính cách phức tạp, thực hiện nhiều đột phá trong nghệ thuật tự sự với lối trần thuật phối hợp nhiều điểm nhìn, giọng điệu; - Cách kết cấu linh hoạt; - Cách sử dụng ngôn ngữ sinh động, vừa gần gũi với ngôn ngữ giao tiếp đời thường, vừa giàu suy tưởng. ***c. Vị trí và tầm ảnh hưởng*** - Nam Cao khẳng định vị trí trong lịch sử văn học bằng thể loại truyện ngắn và tiểu thuyết. - Là nhà văn lớn, một cây bút xuất sắc của nền văn học hiện đại. - Là nhà văn hiện thực nhân đạo xuất sắc của thế kỉ XX. **2. Tác phẩm *Chí Phèo*** **a. Đọc văn bản** **b. Tìm hiểu chú thích** **c. Nhan đề**

Chuẩn hóa kiến thức: GV chiếu slide sơ đồ tổng kết kiến thức về Sự nghiệp, Phong cách và Vị trí của Nam Cao (như phần nội dung ở câu trả lời trước) để HS chốt ý ghi bài.	- Lúc đầu, Nam Cao đặt tên truyện là *Cái lò gạch cũ*. - Nhà xuất bản Đời mới năm 1941, đổi thành *Đôi lứa xứng đôi*. - Năm 1945 trong tập *Luống cày* do Hội Văn hóa cứu quốc xuất bản, tác giả đặt tên mới là *Chí Phèo*. =>**Ý nghĩa nhan đề: ….** **d. Tóm tắt cốt truyện**

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu

- Biết cách đọc văn bản truyện hiện đại, chú ý đổi giọng giữa lời kể và những đối thoại, những độc thoại nội tâm.
- Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân biệt chủ đề chính, chủ đề phụ trong một văn bản có nhiều chủ đề.
- Phân tích và đánh giá được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; phát hiện được các giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ văn bản.
- Nhận biết và phân tích được một số đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ văn học. Phân tích được tính đa nghĩa của ngôn từ trong tác phẩm văn học.
- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ 3 (người kể chuyện toàn tri) và người kể chuyện ngôi thứ nhất (người kể chuyện hạn tri), sự thay đổi điểm nhìn, sự nối kết giữa lời người kể chuyện, lời nhân vật,...

- Về năng lực số (NLS) tích hợp vào hoạt động:

1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số: Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống (các bài nghiên cứu của Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Đăng Mạnh, Phong Lê,...) về tác phẩm *Chí Phèo* trên môi trường số.

b. Nội dung hoạt động: HS làm việc cá nhân đọc văn bản, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của văn bản.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
***Nhiệm vụ 2: Khám phá văn bản** ***Nhiệm vụ 2.1: Tìm hiểu mạch truyện** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV trình chiếu lên màn hình Tivi/Máy chiếu một sơ đồ mạch truyện cuộc đời	**II. Khám phá văn bản** **1. Mạch truyện** - *Chí Phèo vừa đi vừa chửi.* *- Quá khứ là trẻ mồ côi, làm canh điền cho Bá Kiến, bị ghen và đẩy vào tù.*

Chí Phèo nhưng **các mảnh ghép sự kiện đang bị xáo trộn vị trí** (hoặc bị khuyết một vài từ khóa quan trọng ở các chặng: trước đi tù, sau đi tù, gặp Thị Nở, cái chết). - GV giao nhiệm vụ: *sắp xếp lại các sự kiện theo đúng mạch tự sự của tác phẩm."* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** Các nhóm thảo luận và sắp xếp (mất đúng 1 - 2 phút). GV quan sát ghi nhận nhóm nào hoàn thành nhanh nhất. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV gọi đại diện nhóm đó đứng tại chỗ đọc lại mạch truyện theo đúng trật tự đã sắp xếp. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS, chốt kiến thức. ***Nhiệm vụ 2.2: Tìm hiểu đề tài – chủ đề** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS tranh biện cặp đôi tìm hiểu đề tài, chủ đề của văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS tranh biện cặp đôi hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** GV yêu cầu các cặp đôi trình bày, các cặp khác đóng góp ý kiến, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS ***Nhiệm vụ 2.3: Tìm hiểu không gian, thời gian.** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV trình chiếu lên màn hình Tivi/Máy chiếu sơ đồ đồ họa khuyết từ khóa về trục Thời gian đa chiều và Không gian nghệ thuật trong truyện *Chí Phèo*. - Các trục chính tương ứng với tên gọi các chặng thời gian và không gian được ẩn đi	*- Trở về với nhân hình nhân tính bị hủy hoại, bị Bá Kiến tiếp tục biến thành tay sai.* *- Gặp Thị Nở, thức tỉnh, muốn quay lại cuộc sống lương thiện nhưng bị từ chối.* *- Tuyệt vọng, đâm chết Bá Kiến và tự sát. Hình ảnh "cái lò gạch cũ" lặp lại.* **2. Đề tài – chủ đề** - Khái quát một hiện tượng xã hội ở nông thôn Việt Nam trước năm 1945: một bộ phận nông dân lao động lương thiện bị đẩy vào con đường tha hóa, lưu manh hóa.

bằng các ký hiệu $[1], [2], [3], [4], [5], [6], [7]$. Giáo viên giữ lại phần nội dung dấu hiệu văn bản trong ngoặc đơn để làm gợi ý cho học sinh. - **GV giao nhiệm vụ:** *Các thành viên thảo luận nhanh trong 2 phút, dựa vào các dấu hiệu văn bản gợi ý để thao tác chọn và điền các từ khóa chính xác vào các ô trống tương ứng trên sơ đồ.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh các nhóm tập trung quan sát, đọc quét các dấu hiệu văn bản trên màn hình thiết bị và tiến hành chọn các mảnh ghép từ khóa để hoàn thiện sơ đồ hệ thống. *- Giao diện tương tác trên thiết bị của học sinh bao gồm:* *** Phần 1: Trục Thời gian đa chiều:** +.[…1…]*(Dấu hiệu: Tiếng chửi của Chí Phèo ở đầu tác phẩm, sự cô độc và bất mãn hiện tại).* +[...2...] *(Dấu hiệu: Nguồn gốc của Chí Phèo, đứa trẻ trần truồng xám ngắt bỏ rơi bên chiếc lò gạch cũ).* + [...3...] *(Dấu hiệu: Anh canh điền 20 tuổi lương thiện làm việc cho nhà Lí Kiến -> bị ghen -> đi tù thực dân).* + [...4...] *(Dấu hiệu: Chí Phèo trở về làng Vũ Đại với nhân hình quỷ dữ, làm tay sai ăn vạ -> bước ngoặt gặp Thị Nở và khao khát hoàn lương).* + [...5...]*(Dấu hiệu: Đoạn kết tác phẩm, Chí Phèo tự sát, trong óc Thị Nở thoáng hiện ra hình ảnh chiếc lò gạch cũ bỏ không).* *+ Ngân hàng từ khóa chọn lựa:* **Hiện tại / Quá khứ xa / Quá khứ gần / Hiện tại / Quá khứ luân hồi.** ***Phần 2: Hệ thống Không gian nghệ thuật:**	**3. Không gian, thời gian** **a. Thời gian: Thời gian nghệ thuật (Thời gian tâm lí):** **+ *Thời gian đa chiều:*** **. Hiện tại** *(Dấu hiệu: Tiếng chửi của Chí Phèo ở đầu tác phẩm, sự cô độc và bất mãn hiện tại).* **->Quá khứ xa** *(Dấu hiệu: Nguồn gốc của Chí Phèo, đứa trẻ trần truồng xám ngắt bỏ rơi bên chiếc lò gạch cũ).* **->Quá khứ gần** *(Dấu hiệu: Anh canh điền 20 tuổi lương thiện làm việc cho nhà Lí Kiến -> bị ghen ->đi tù thực dân).* **->Hiện tại** *(Dấu hiệu: Chí Phèo trở về làng Vũ Đại với nhân hình quỷ dữ, làm tay sai ăn vạ -> bước ngoặt gặp Thị Nở và khao khát hoàn lương).* **->Quá khứ luân hồi** *(Dấu hiệu: Đoạn kết tác phẩm, Chí Phèo tự sát, trong óc Thị Nở thoáng hiện ra hình ảnh chiếc lò gạch cũ bỏ không).* **Ý nghĩa nghệ thuật:** Hiện tại và quá khứ soi sáng cho nhau, tạo nên sự cộng hưởng về cảm xúc và tạo ấn tượng phỏng đoán về một tương lai tiếp tục bế tắc (vòng lặp luân hồi) nếu xã hội cũ không thay đổi. **b. Không gian nghệ thuật trong truyện "Chí Phèo" – Nam Cao:** - Làng Vũ Đại: không gian tù đọng, ngột ngạt, hình ảnh thu nhỏ của xã hội nông thôn phong kiến cũ - Túp lều ven sông và Đêm trăng: không gian của tình thương và sự thức tỉnh thiên lương. **c. Sự kết hợp giữa không gian và thời gian nghệ thuật trong "Chí Phèo":**

[...6...] Không gian tù đọng, ngột ngạt, hình ảnh thu nhỏ của xã hội nông thôn phong kiến cũ. [...7...]: Không gian của tình thương và sự thức tỉnh thiên lương. *+Ngân hàng từ khóa chọn lựa:* **Làng Vũ Đại / Túp lều ven sông và Đêm trăng.** - GV quan sát học sinh thảo luận **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - *GV đặt câu hỏi:* "Nhìn vào sơ đồ số, các em thấy chặng cuối cùng của trục thời gian quay ngược về **Quá khứ luân hồi** bằng hình ảnh cái lò gạch cũ hiện ra khi Chí Phèo vừa chết. Theo nội dung văn bản, việc hiện tại và quá khứ soi sáng cho nhau như vậy có ý nghĩa nghệ thuật gì?" - Học sinh suy ngẫm, phát biểu trực tiếp tại lớp: Chỉ ra ý nghĩa tạo nên sự cộng hưởng về cảm xúc và tạo ấn tượng phỏng đoán về một tương lai tiếp tục bế tắc (vòng lặp luân hồi) nếu xã hội cũ không thay đổi. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV đánh giá, ghi điểm thi đua cho các nhóm **- Chuẩn hóa kiến thức (Học sinh ghi bài):** GV giữ nguyên sơ đồ chuẩn hóa trên màn hình để học sinh chốt ý vào vở: ***Nhiệm vụ 2.4: Tìm hiểu lời kể, ngôi kể và điểm nhìn** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV phát vấn *Các em có 3 phút thảo luận tại chỗ: phân tích* Điểm nhìn nghệ thuật *trong truyện.* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh thảo luận nhanh và trả lời. **Nhóm 1 (Đoạn mở đầu - Tiếng chửi):** *1. Điểm nhìn dịch chuyển từ ai sang ai?* -> **(Người kể chuyện -> Chí Phèo)** *2. Hình thức lời văn ở đây là gì?* **(Lời nửa trực tiếp / Độc thoại nội tâm)**	Không gian và thời gian nghệ thuật trong truyện "Chí Phèo" nhiều khi lẫn vào nhau, chuyển hóa lẫn nhau thành *không gian - thời gian tâm lí* của nhân vật.

3. Ý nghĩa: Soi chiếu mảng tâm trạng gì của Chí? -> **(Sâu kín, cô độc, bất mãn)** **Nhóm 2 (Đoạn gây sự ở nhà Bá Kiến):** *1. Điểm nhìn của người kể chuyện đan xen với ai?* -> **(Người dân làng Vũ Đại)** *2. Người xung quanh làm gì khi Chí Phèo đến ăn vạ?* -> **(Bàn tán, xì xèo, suy luận)** **Nhóm 3 (Đoạn đón nhận bát cháo hành):** *1. Tác giả đặt điểm nhìn ở vai trò là người như thế nào?* -> **(Chứng kiến, thấu suốt tâm lí)** *2. Thái độ của người kể đối với ước muốn của Chí và Thị?* -> **(Tôn trọng, đồng cảm)** *3. Giọng điệu trần thuật ở đoạn này ra sao?* ->**(Gần gũi, dễ hiểu)** **Nhóm 4 (Đoạn kết thúc tác phẩm):** *1. Khi Chí chết, tác giả hòa vào giọng điệu của ai?* -> **(Dân làng Vũ Đại)** *2. Tác giả có đưa ra lời bình luận trực tiếp nào không?* -> **(Không)** *3. Mục đích là để tạo ra góc nhìn như thế nào?* -> **(Đa chiều, khách quan)** **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** **Bước 4: Đánh giá, kết luận** **Chuẩn hóa kiến thức:** GV giữ nguyên nội dung cô gọn trên màn hình để học sinh ghi nhớ các ý cốt lõi vào vở: ***Nhiệm vụ 2.5: Tìm hiểu nhân vật** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh các nhóm thảo luận **- Nhóm 1 (Làng Vũ Đại & Bà cô):** *+ Dân làng e sợ Chí Phèo vì ngoại hình và hành động gì?* -> **(Hình xăm rồng phượng / Chửi bới, ăn vạ)**	**4. Lời kể, ngôi kể và điểm nhìn** - **Ngôi kể:** Ngôi thứ ba; người kể chuyện giấu mình, có khả năng bao quát sự việc và đi sâu vào nội tâm nhân vật. - **Điểm nhìn:** Dịch chuyển linh hoạt giữa người kể chuyện, Chí Phèo, Thị Nở và dân làng Vũ Đại; kết hợp lời kể, lời nửa trực tiếp và độc thoại nội tâm. - **Tác dụng:** Khắc họa sâu sắc tâm lí nhân vật, tạo cái nhìn đa chiều, khách quan; làm nổi bật giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

+ Bà cô Thị Nở đại diện cho điều gì và lý do từ chối Chí? -> **(Định kiến xã hội / Thằng không cha mẹ, rạch mặt)** **- Nhóm 2 (Bá Kiến & Thủ đoạn):** *+ Bá Kiến đã thay đổi những giọng điệu nào với Chí?* -> **(Giọng nhỏ nhẹ -> Thân mật -> Quát con hại Chí)** *+ Mục đích tối cao của những hành động đó là gì?* -> **(Dụ dỗ, biến Chí thành tay sai)** **- Nhóm 3 (Thị Nở & Bát cháo hành):** *+ Hành động thể hiện lòng trắc ẩn của Thị Nở là gì?* -> **(Nấu cháo hành chăm sóc Chí)** *+ Hình ảnh cái lò gạch cũ ở cuối truyện gợi lên quy luật gì?* -> **(Vòng tròn luẩn quẩn, tha hóa xã hội cũ)** **- Nhóm 4 (Diễn biến tâm trạng Chí Phèo):** *+ Dấu hiệu Chí Phèo thức tỉnh vào buổi sáng?* -> **(Nghe tiếng chim hót, nhớ ước mơ xưa, sợ rượu)** *+ Phản ứng của Chí sau khi bị cự tuyệt và ý nghĩa câu nói cuối cùng?* -> **(Đau đớn níu kéo -> Đòi quyền lương thiện)** **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV yêu cầu học sinh đại diện nhóm báo cáo - *GV đặt câu hỏi điều phối chiều sâu cho nhóm 4:* "Tại sao khi bị cự tuyệt, trong cơn điên và tuyệt vọng, càng uống rượu Chí Phèo lại càng tỉnh và 'cứ thẳng đường mà đi đến nhà Bá Kiến' chứ không phải nhà Thị Nở?" - ***HS trả lời trực tiếp:*** Vì phần người chân chính trong Chí đã quay về, hắn tỉnh táo nhận ra Bá Kiến mới là kẻ thù tối cao, là kẻ trực tiếp giật dây tước đoạt cuộc đời lương thiện của hắn. **Bước 4: Đánh giá, kết luận**	**5. Nhân vật** **a. Nhân vật Bá Kiến - Điển hình cho giai cấp thống trị tàn bạo, nham hiểm** **- Bản chất:** Là kẻ khôn ngoan lọc lõi, nham hiểm và tàn bạo, đại diện cho cường hào ác bá ở nông thôn cũ. **- Thủ đoạn trị dân:** Sử dụng các phương châm độc ác: *"Bám thằng có tóc, không bám thằng trọc đầu", "Thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ nhì sợ kẻ cố cùng liều thân",*

- GV nhận xét ngắn gọn, ghi điểm cho các nhóm hoàn thành tốt nhiệm vụ tương tác số **.** - **Chuẩn hóa kiến thức:** GV chiếu slide nội dung cô gọn (ở mục A) để học sinh ghi nhớ ý cốt lõi vào vở.	ngầm đẩy người ta xuống sông rồi lại dắt tay lên bờ để bắt đền ơn. **- Nghệ thuật khắc họa giọng điệu:** Thay đổi giọng điệu linh hoạt để thao túng Chí Phèo: từ giọng nhỏ nhẹ, chuyển sang thân mật gạ gẫm, rồi nháy mắt quát con để lấy lòng Chí. **- Vai trò:** Kẻ trực tiếp đẩy Chí Phèo vào tù, sau đó dùng tiền và rượu để biến anh canh điền lương thiện thành con quỷ dữ, tay sai đắc lực cho hắn. **b. Nhân vật Thị Nở - Biểu tượng của lòng trắc ẩn và tình thương cứu rỗi** **- Vẻ ngoài và số phận:** Xấu xí ma chê quỷ hờn, dở hơi, nghèo khổ, bị xã hội xa lánh. **- Lòng trắc ẩn (Bát cháo hành):** Hành động nấu bát cháo hành chăm sóc Chí Phèo khi bị ốm là minh chứng cho sự quan tâm chân thành, mộc mạc, không vụ lợi lần đầu tiên Chí được nhận từ một bàn tay đàn bà. **- Hình ảnh cái lò gạch cũ ở cuối truyện:** Nỗi nghĩ ngợi của Thị về một "Chí Phèo con" tương lai - Biểu tượng cho vòng tròn luẩn quẩn, quy luật tàn bạo của sự tha hóa người nông dân trong xã hội cũ. **c. Nhân vật Chí Phèo - Bi kịch tha hóa và khát vọng hoàn lương** ***Chặng 1: Từ anh canh điền lương thiện đến con quỷ dữ làng Vũ Đại (Bi kịch tha hóa):** **- *Quá khứ:*** Đứa trẻ mồ côi, năm 20 tuổi làm canh điền hiền lành như đất, giàu lòng tự trọng, có ước mơ bình dị. **- *Sau khi ra tù:*** Bị hủy hoại cả nhân hình (đầu trọc lốc, răng trắng hớn, mặt đen cơng cơng đầy vết sẹo) lẫn nhân tính (ngập trong những cơn say, đập đầu, rạch mặt ăn vạ, đâm thuê chém mướn). ***Chặng 2: Diễn biến tâm trạng buổi sáng thức tỉnh (Khát vọng hoàn lương):**

***Nhiệm vụ 2.6: Tìm hiểu giá trị hiện thực và tư tưởng nhân đạo** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn tìm hiểu giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của văn bản. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận hoàn thành nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ HS. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS trình bày kết quả. - HS khác bổ sung thêm những cảm thụ riêng. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** GV đánh giá phần trình bày của HS.	***- Cảm nhận không gian, âm thanh:*** Nghe thấy tiếng chim ríu rít, tiếng cười nói đi chợ, tiếng gõ mái chèo -> Những âm thanh quen thuộc ngày nào giờ khơi dậy nỗi buồn sâu sắc. ***- Nhận thức bản thân:*** Tỉnh dậy sau cơn say dài, thấy rùng mình khi nghĩ đến rượu; nhận ra mình đã già, đói rét, ốm đau và cô độc. ***- Hồi tưởng ước mơ:*** Nhớ về ao ước xưa (chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải) -> Thèm lương thiện, khát khao làm hòa với mọi người. ***Chặng 3: Phản ứng tâm lí sau khi bị cự tuyệt và cái chết cuối truyện:** ***- Khi bị Thị Nở từ chối (Định kiến từ bà cô):*** Từ vui sướng -> ngẩn người hụt hẫng -> đau đớn níu kéo (đuổi theo nắm tay Thị) -> tuyệt vọng (uống rượu nhưng càng uống càng tỉnh, ám ảnh hơi cháo hành). ***+ Cột mốc hành động và câu nói "Ai cho tôi lương thiện?":*** Cầm dao đến thẳng nhà Bá Kiến đòi quyền làm người -> Đâm chết kẻ thù tối cao và tự sát trên ngưỡng cửa trở lại làm người. **6. Giá trị hiện thực và tư tưởng nhân đạo** **a. Giá trị hiện thực:** - Phản ánh sự áp bức, bóc lột, tàn ác của xã hội thực dân, phong kiến đối với người nông dân. - Khắc họa số phận bi thảm của người nông dân trước Cách mạng: nghèo khổ, bần cùng, bị đẩy vào con đường tha hóa, lưu manh hóa. **b. Giá trị nhân đạo** - Lên án xã hội thực dân, phong kiến đã hủy hoại cả thể xác và tâm hồn con người. - Thể hiện niềm cảm thương sâu sắc trước số phận những người nông dân lương thiện bị tha hóa.

	- Khẳng định bản chất lương thiện và khát vọng được làm người của con người dù trong hoàn cảnh khốn cùng. - Cảnh báo về số phận bế tắc, tuyệt vọng của người nông dân nếu xã hội không được thay đổi.

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu:

- Khái quát và hệ thống hóa được giá trị nội dung (bản án xã hội, tinh thần nhân đạo) và đặc sắc nghệ thuật (nhân vật điển hình, nghệ thuật trần thuật đa điểm nhìn, miêu tả tâm lí) của kiệt tác *Chí Phèo*.

b. Nội dung:

- GV tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc độc lập, tương tác trực tuyến và chốt kiến thức cốt lõi vào vở.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy hoàn chỉnh về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm hiển thị trực quan trên màn hình Tivi từ kết quả tổng hợp của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV trình chiếu lên màn hình Tivi một **Sơ đồ tư duy khuyết** tổng kết lại toàn bộ giá trị của tác phẩm. Trục nội dung và nghệ thuật đã có sẵn, nhưng các từ khóa cốt lõi thể hiện tinh thần của cột dự kiến sản phẩm trong đang được thay bằng các ô số [1], [2], [3], [4]. - **GV giao nhiệm vụ:** *Mỗi em có 1 phút suy ngẫm độc lập để chọn cụm từ chính xác điền vào các vị trí còn khuyết trên sơ đồ nghệ thuật và nội dung hiển thị trên màn hình "* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** - *Hệ thống từ khóa định hướng dựa trên ảnh .* - Về Nội dung: Bản án đanh thép lên xã hội tàn bạo, niềm thương cảm đối với số phận người [...1...]. - Về Nghệ thuật: Xây dựng nhân vật [...2...] bất hủ; Nghệ thuật [...3...] linh hoạt, tự nhiên với giọng điệu xót thương, cảm thông ẩn sau vẻ lạnh lùng; Bút pháp miêu tả [...4...] tinh vi, sắc sảo. - *(Từ khóa dự kiến HS gõ: 1. Nông dân / 2. Điển hình / 3. Trần thuật / 4. Tâm lí).* **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**	**IV. Tổng kết** **1. Nội dung, ý nghĩa:** - Kết án đanh thép xã hội tàn bạo, bất công cướp đi quyền làm người của người nông dân. - Thể hiện niềm thương cảm sâu sắc, tinh thần nhân đạo đối với số phận những người nông dân bị tha hóa nhưng vẫn vẹn nguyên thiên lương. **2. Nghệ thuật:** - Xây dựng thành công nhân vật điển hình bất hủ (Bá Kiến, Chí Phèo) đặt trong hoàn cảnh điển hình. - Nghệ thuật trần thuật linh hoạt, tự nhiên; phối hợp đa điểm nhìn; giọng điệu trần thuật đan xen giữa lạnh lùng khách quan và xót thương, cảm thông sâu sắc. - Bút pháp miêu tả tâm lí và diễn biến tâm lí nhân vật tinh vi, sắc sảo.

- GV chỉ định 1 học sinh đứng tại chỗ đọc lại toàn bộ khung tổng kết hoàn chỉnh đã được cả lớp "hợp lực" giải mã thành công. **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét, đánh giá cao tư duy khái quát hóa bài học của học sinh thông qua trò chơi tương tác số. - **Chuẩn hóa kiến thức (Học sinh ghi vở):**	

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- Học sinh so sánh, chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt và đưa ra nhận xét sâu sắc về ý nghĩa nhân văn trong đoạn kết của hai truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao) và *Vợ nhặt* (Kim Lân) (Nhiệm vụ 2); xác định đúng hướng triển khai đoạn văn nghị luận về chi tiết bát cháo hành (Nhiệm vụ 1).

- **Về Phẩm chất (Tích hợp Giáo dục Đạo đức & Lí tưởng):**

+ *Đạo đức, lối sống:* Thấu cảm trước sức mạnh của tình người, có thái độ bao dung và chống lại định kiến vô cảm.

+ *Lí tưởng:* Nhận thức rõ sự bế tắc của người nông dân xã hội cũ, từ đó trân trọng giá trị độc lập, tự do và ánh sáng giải phóng của thời đại Cách mạng.

b. Nội dung: GV giao 2 nhiệm vụ luyện tập mang tính phân hóa. Học sinh làm việc theo nhóm bàn giải quyết Nhiệm vụ 2 trực tiếp tại lớp; thực hiện cá nhân Nhiệm vụ 1 tại nhà; nộp sản phẩm và đánh giá chéo trên không gian số dùng chung.

c. Sản phẩm: Bảng dữ liệu so sánh đoạn kết; Đoạn văn nghị luận văn học 150 chữ đạt chuẩn Rubric.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức bài học và năng lực cá nhân để sáng tạo ra các sản phẩm văn học độc đáo (sơ đồ tư duy, poster nghệ thuật, video diễn xuất).

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi trực tuyến **"Tìm kiếm tài năng kết nối kiệt tác *Chí Phèo*"** theo khu vực lựa chọn: Diễn viên hoặc Họa sĩ.

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy sáng tạo, Poster nhân vật nghệ thuật hoặc Video clip nhập vai diễn xuất được đăng tải trên thư mục lưu trữ của lớp.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV trình chiếu thể lệ cuộc thi trực tuyến "Tìm kiếm tài năng" lên màn hình Tivi.

- **GV giao nhiệm vụ:** Về nhà, mỗi cá nhân hoặc nhóm tự chọn 1 trong 2 khu vực sau để tham gia:

+ **Khu vực Diễn viên:** Chọn một đoạn trích tâm đắc trong truyện 'Chí Phèo', quay một clip ngắn (dưới 3 phút) nhập vai tái hiện lại diễn biến tâm lý nhân vật.

+ **Khu vực Họa sĩ:** Vẽ sơ đồ tư duy sáng tạo tổng hợp toàn bài hoặc thiết kế poster nghệ thuật khắc họa nhân vật Chí Phèo (bằng tay hoặc bằng công cụ Canva/Paint nếu biết sử dụng).

+ Thời hạn nộp bài: Trước tiết học sau."

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS tự lực cá nhân hoặc liên kết nhóm bàn ở nhà để lên ý tưởng, chuẩn bị trang phục/đạo cụ (đối với diễn xuất) hoặc giấy bút/ứng dụng thiết kế (đối với họa sĩ).
- HS hoàn thiện sản phẩm, chụp ảnh hoặc xuất file video và trực tiếp đăng tải lên thư mục lưu trữ dùng chung của lớp học.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận (Có thể thực hiện vào đầu tiết học sau)

- GV chọn ra 1 sản phẩm video diễn xuất hay nhất và 2 poster xuất sắc nhất của học sinh từ không gian số để trình chiếu công khai trên Tivi lớp học vào đầu giờ tiết sau.
- HS cả lớp quan sát, thả tim và bình luận, nhận xét về sự sáng tạo của các bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định (GV thực hiện chấm điểm trực tuyến)

- GV nhận xét chung về tinh thần sáng tạo, kỹ năng ứng dụng công nghệ để tạo lập sản phẩm của học sinh.
- GV tiến hành cộng điểm thi đua, khen thưởng trực tiếp cho những cá nhân/nhóm có sản phẩm chất lượng tốt.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. Với bài cũ:

Hoàn thiện bài tập viết đoạn văn về chi tiết bát cháo hành (Nhiệm vụ 1 - Luyện tập) và nộp đúng hạn trên cột cá nhân của Padlet lớp.

- Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống (các bài nghiên cứu của Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Đăng Mạnh, Phong Lê,...) về tác phẩm *Chí Phèo* trên môi trường số. (**1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số)**
- Tìm đọc thêm các tác phẩm khác của Nam Cao có cùng đề tài về người nông dân trước cách mạng (như *Lão Hạc, Giăng sáng, Tư cách mõ...*).

2. Chuẩn bị bài mới:

- Đọc văn bản Thực hành đọc: *Cải ơi!* (Nguyễn Ngọc Tư).
- Nghiên cứu trước lý thuyết phần Thực hành tiếng Việt: *Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết* để chuẩn bị cho các nhiệm vụ trên lớp của tiết sau.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động hình thành kiến thức	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và thuyết trình trước lớp.	**1.1NCb -** Sử dụng được máy tính, điện thoại truy cập Internet để chủ động tra cứu video, tư liệu về tác giả Nam Cao, đời sống người nông dân Việt Nam thời kỳ ngột ngạt trước Cách mạng tháng Tám 1945 và hoàn cảnh sáng tác truyện ngắn *Chí Phèo* (tập *Luống cày*)...
2	Hướng dẫn tự học tại nhà	Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu.	**1.2.NC1a - Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số:** Thực hiện đánh giá và chọn lọc được các nguồn dữ liệu văn học, bài phê bình chính thống (các bài nghiên cứu của Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Đăng Mạnh, Phong Lê,...) về tác phẩm *Chí Phèo* trên môi trường số.

Tiết:7

ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung: Bài học góp phần phát triển năng lực chung.

- Tự chủ và tự học: Tự quyết định cách giải quyết vấn đề học tập, tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải quyết vấn đề học tập của bản thân và các bạn**.**

- Giao tiếp và hợp tác: Tăng cường khả năng trình bày, diễn đạt ý kiến, ý tưởng trước lớp, tổ nhóm học tập, tương tác tích cực với các bạn trong tổ nhóm, khi thực hiện nhiệm vụ hợp tác.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Chủ động đề ra kế hoạch học tập, thực hiện nhiệm vụ học tập cá nhân và nhóm học tập, xử lí linh hoạt sáng tạo các tình huống phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Năng lực đặc thù: Bài học góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ cho HS, giúp:

- Nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.
- Những kĩ năng thuộc về hoạt động nói và hoạt động nghe trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói.
- Những kĩ năng thuộc về hoạt động viết và hoạt động đọc trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ viết.
- Phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; tránh nói như viết hoặc viết như nói.

c. Năng lực số

- 1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số: Học sinh sử dụng máy tính hoặc điện thoại thông minh để truy cập Internet, chủ động tra cứu và thu thập các đoạn hội thoại thực tế (tin nhắn mạng xã hội, bình luận trực tuyến) hoặc các văn bản chính thống để làm ngữ liệu phân tích.

3.1.NC1a - Phát triển nội dung số: Học sinh thực hiện thao tác chụp ảnh bài làm trên giấy của nhóm để chia sẻ và hiển thị trực quan sản phẩm trên màn hình Tivi lớp học, phục vụ công tác báo cáo và thảo luận.

2. Phẩm chất

Tự giác thực hành luyện tập thêm và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với đặc điểm khi giao tiếp. Có thái độ nghiêm túc và có trách nhiệm với lời nói của bản thân khi tham gia hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- Thiết bị kỹ thuật số: Máy tính xách tay của giáo viên, hệ thống máy chiếu/màn hình Tivi tương tác thông minh tại lớp có kết nối Internet mạng ổn định.

- Thiết bị hỗ trợ cá nhân/nhóm: Điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng của học sinh (sử dụng có kiểm soát trong giờ học phục vụ khâu quét mã QR và tương tác số).

- **Một số công cụ AI phục vụ, hỗ trợ dạy-học:** tìm kiếm thông tin (ChatGPT & Gemini…); thiết kế nội dung trực quan (Canva AI, NotebookLM...); trò chơi tương tác (Quizizz (AI) & Kahoot (AI), Mentimeter); trợ lý thuyết tình và video (Gamma App, Canva); Sáng tạo âm thanh & Hình ảnh nghệ thuật (Suno…)

2. Học liệu dạy học:

- Sách giáo khoa Ngữ văn, Kế hoạch bài dạy (Giáo án) của giáo viên.
- Sách *Về tác gia và tác phẩm"* (NXB Giáo dục), các bài viết phê bình văn học uy tín trực tuyến của các nhà nghiên cứu về giá trị nhân đạo trong tác phẩm để định hình đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh.
- Mã QR dẫn link video, nền tảng bảng số tương tác chung của lớp (như Padlet/Zalo nhóm) dùng để thu thập và hiển thị nhanh câu trả lời của các nhóm học sinh.
- Hệ thống phiếu học tập (phiếu giấy đan xen phiếu điện tử), các Rubric/Bảng kiểm đánh giá chéo năng lực thuyết trình và văn hóa ứng xử tranh luận của học sinh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tái hiện kiến thức đã học, tạo tiền đề và kết nối nội dung cho bài học.
- Rèn luyện phản ứng nhanh, tinh thần tập thể, đoàn kết và kỹ năng hợp tác.
- **Phát triển Năng lực số (NLS):**

1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số: HS chủ động truy cập, tiếp nhận và giải mã thông tin từ dữ liệu đa phương tiện trực tuyến để thực hiện nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung hoạt động:

GV chiếu clip, HS xem, cặp đôi suy nghĩ trả lời nhanh vào phiếu học tập bằng giấy.

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời nhanh.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV kết nối máy tính với Tivi lớp học, hướng dẫn HS truy cập/quan sát clip tư liệu trực tuyến trên Youtube (https://www.youtube.com/watch?v=bXXzFzBhWVE) (1.1.NC1b).
- GV phát Phiếu trả lời nhanh bằng giấy cho các cặp đôi.
GV quán triệt kỷ luật số: Các cặp đôi tắt điện thoại, tập trung xem và thảo luận bằng lời để viết vào phiếu giấy. Chỉ duy nhất 01 bạn đại diện dùng thiết bị để chụp ảnh nộp bài ở cuối giờ.

<table>
<tr><th colspan="2">HIẾU TRẢ LỜI NHANH</th></tr>
<tr><td>Nội dung Clip</td><td></td></tr>
<tr><td>Yếu tố tạo nên tiếng cười</td><td></td></tr>
<tr><td>Từ ngữ đáng chú ý</td><td></td></tr>
</table>
</td><td>
- Nội dung Clip: Cách giáo dục trẻ em của một gia đình trong một bữa ăn
- Yếu tố tạo nên tiếng cười:
+ Diễn xuất hài hước.
+ Tình huống hài hước.
+ Lời nói hài hước.
- Từ ngữ đáng chú ý: HS ghi lại một số từ ngữ theo suy nghĩ cá nhân.
</td></tr>
</table>

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS xem clip, tiến hành thảo luận cặp đôi để hoàn thiện các câu hỏi trên phiếu giấy. - GV quan sát, khích lệ HS chú ý đến ngữ điệu, cử chỉ và các từ ngữ đời thường của nhân vật. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện HS đứng tại chỗ trình bày kết quả nhanh trong 1 phút. - Lớp lắng nghe và nhận xét, phản biện trực tiếp bằng lời nói **Bước 4: Đánh giá, kết luận** - GV nhận xét tinh thần hợp tác và kỹ năng số hóa học liệu nhanh gọn của HS. - GV chuẩn hóa câu trả lời và dẫn dắt vào bài mới: *Không phải ngẫu nhiên mà người ta chia ra phong cách ngôn ngữ sinh hoạt và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Làm thế nào để nhận biết và không nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, chúng ta hãy cùng tìm hiểu bài học: Đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.*	

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (THỰC HÀNH)

a. Mục tiêu:

Năng lực Ngôn ngữ (Đặc thù): HS nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết; phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa hai dạng ngôn ngữ này.

- **Phát triển Năng lực số (NLS):**

+ HS biết cách sử dụng thiết bị số để tìm kiếm và tiếp cận các nguồn dữ liệu văn bản chính thống trên Internet phục vụ bài học.

+ HS biết đánh giá, sàng lọc để chọn ra nguồn thông tin có độ tin cậy cao trên môi trường số.

+ HS thực hiện được thao tác số hóa tối giản (chụp ảnh sản phẩm) để chia sẻ học liệu trong không gian dùng chung của lớp học.

b. Nội dung hoạt động:

- HS đọc Tri thức Ngữ văn trong SGK để nắm lý thuyết.
- HS thảo luận nhóm bàn, **kết hợp sử dụng thiết bị số để tra cứu, sàng lọc ngữ liệu thực tế trên mạng Internet** nhằm hoàn thiện Bảng so sánh đặc điểm ngôn ngữ nói - viết (Phiếu học tập số 1).
- HS làm bài tập thực hành 1, 2 trong SGK vào vở bài tập.

c. Sản phẩm:

- **Sản phẩm văn học:** Phiếu học tập số 1 (Bảng so sánh) bằng giấy của các nhóm; câu trả lời bài tập 1, 2 vào vở ghi của cá nhân.

- **Sản phẩm số: File ảnh chụp kết quả phiếu giấy** của các nhóm và **đường link/tên nguồn dữ liệu số tin cậy** mà học sinh đã tra cứu được hiển thị trên Tivi lớp học

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr>
<td>
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ
- GV tổ chức trò chơi "Đấu trường Nói - Viết" giữa 2 đội chơi đã được phân công chuẩn bị từ tiết học trước:
+ Đội 1 (Sức mạnh Ngôn ngữ nói): Chịu trách nhiệm chính về mảng ngôn ngữ nói, bài tập 1 SGK và sản phẩm Nói về Truyện Kiều.
+ Đội 2 (Vẻ đẹp Ngôn ngữ viết): Chịu trách nhiệm chính về mảng ngôn ngữ viết, bài tập 2 SGK và sản phẩm Viết về Truyện Kiều.
- GV giới thiệu Ban giám khảo (3 HS) và MC điều phối trận đấu.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
- Các đội chơi ngồi theo nhóm, có 5 phút để mở lại vở soạn, rà soát lại các học liệu số, poster hoặc bài nói/viết đã được nhóm chuẩn bị trước ở nhà để thống nhất chiến thuật thi đấu.
- Ban giám khảo tập hợp đáp án biểu điểm bằng giấy do GV cung cấp để chuẩn bị chấm điểm trực tiếp.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
*Vòng 1: Tốc chiến nhận diện (5 phút)
- Cách thức: GV chiếu 6 ngữ liệu (a, b, c, d, e, f) lên màn hình Tivi. Mỗi đội cử 3 thành viên lên bảng phấn viết truyền thống, thi ghi mã chữ cái vào hai cột Ngôn ngữ nói và Ngôn ngữ viết theo tiêu chí nhanh và đúng.
- Sản phẩm: Kết quả trên bảng phấn (Ngôn ngữ nói: b, d, f; Ngôn ngữ viết: a, c, e).
*Vòng 2: Bản lĩnh tri thức (8 phút)
</td>
<td>
I. Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết
1. Nhận diện ngữ liệu – VÒNG 1 –TỐC CHIẾN NHẬN DIỆN
<table>
<tr><td>Ngôn ngữ nói</td><td>Ngôn ngữ viết</td></tr>
<tr><td>b, d, f</td><td>a, c, e</td></tr>
</table>
2. Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết – VÒNG 2 – BẢN LĨNH TRI THỨC
2.1. Ngôn ngữ nói:
- Tình huống giao tiếp: Người nói và người nghe tiếp xúc trực tiếp với nhau, thay vai luân phiên. Người nói ít có thời gian và điều kiện lựa chọn và gọt giũa lời nói. Chỉ tồn tại nhất thời và được truyền đi trong phạm vi không gian hạn chế.
- Phương tiện ngôn ngữ: Âm thanh.
- Phương tiện hỗ trợ: Ngữ điệu; Nét mặt, ánh mắt; Cử chỉ, điệu bộ.
- Hệ thống yếu tố ngôn ngữ:
+ Từ ngữ: Các khẩu ngữ, từ ngữ địa phương, tiếng lóng, biệt ngữ; Các trợ từ, thán từ, từ ngữ đưa đẩy, chêm xen…
+ Câu: Có kết cấu linh hoạt như câu tỉnh lược, câu có yếu tố trùng lặp hay dư thừa…
+ Văn bản: Không có sự chặt chẽ, mạch lạc.
2.2. Ngôn ngữ viết:
- Tình huống giao tiếp: Người viết và người đọc thường không có sự tiếp xúc trực tiếp. Người viết có thời gian để suy ngẫm, lựa chọn cách biểu đạt, vì vậy ngôn ngữ viết nói chung được gọt giũa. Có khả năng lưu trữ thông tin lâu dài và hướng tới một phạm vi người đọc rộng lớn.
- Phương tiện ngôn ngữ: Chữ viết.
</td>
</tr>
</table>

- *Cách thức:* Thư ký Đội 1 kết nối máy tính trình chiếu file sơ đồ tư duy/Infographic tóm tắt đặc điểm Ngôn ngữ nói đã số hóa ở nhà.Đại diện Đội 1 trình bày lý thuyết trong 2 phút. Đội 2 đặt câu hỏi chất vấn trực tiếp bằng lời nói. - Sau đó hai đội đổi vai, Đội 2 trình chiếu sơ đồ số về Ngôn ngữ viết, đại diện trình bày và Đội 1 phản biện. - *Sản phẩm:* Sơ đồ tư duy số của hai đội hiển thị trên Tivi và những câu hỏi phản biện trực tiếp. ***Vòng 3: Giải mã ngữ liệu (7 phút)** - *Cách thức:* Đại diện Đội 1 đứng tại chỗ trình bày kết quả phân tích Bài tập 1 SGK (Đặc điểm ngôn ngữ nói được tái tạo trong *Vợ nhặt* và *Chí Phèo*). Đại diện Đội 2 trình bày Bài tập 2 SGK (Đặc điểm ngôn ngữ viết trong đoạn trích *Vợ nhặt*). - *Yêu cầu phản biện số:* Trong quá trình chuẩn bị bài tập ở nhà, các đội phải chứng minh mình đã tra cứu dữ liệu từ các nguồn điện tử chính thống, biết sàng lọc và trích dẫn câu chữ chuẩn xác của văn bản gốc thay vì chép các bài giải sáo rỗng trên mạng . ***Vòng 4: Sáng tạo nghệ thuật (8 phút)** - *Cách thức:* Hai đội trình diễn sản phẩm thực hành về chủ đề *"Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong Truyện Kiều"* đã đóng gói sẵn ở nhà: **- Đội 1 (Thi Nói):** Đại diện đội lên bục giảng thực hiện bài thuyết trình nói. Các thành viên ngồi dưới dùng màn hình Tivi chiếu một đoạn video ngâm thơ hoặc hình ảnh minh họa bối cảnh để hỗ trợ bài nói sinh động. **- Đội 2 (Thi Viết):** Thư ký đội trình chiếu một trang văn bản nghị luận đã được trau chuốt, thiết kế đẹp mắt dạng	- ***Phương tiện hỗ trợ:*** Dấu câu; Hình ảnh minh họa; Sơ đồ, bảng biểu. ***- Hệ thống yếu tố ngôn ngữ:*** **+ *Từ ngữ:*** Có cơ hội chọn lọc, gọt giũa, trau chuốt; Sử dụng ngôn ngữ phổ thông. **+ *Câu:*** Chặt chẽ, mạch lạc, câu dài, nhiều thành phần phức tạp. **+ *Văn bản:*** Kết cấu chặt chẽ, mạch lạc ở mức độ cao. **II. Thực hành phân tích đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết- VÒNG 3: GIẢI MÃ NGỮ LIỆU** **1. Bài tập 1 (Trang 36, 37, 38 SGK) - Phân tích đặc điểm ngôn ngữ nói được mô phỏng, tái tạo:** ***- Đoạn trích a (Vợ nhặt – Kim Lân):*** Tác giả thay vai liên tục từ người kể chuyện đến lời của nhân vật Tràng, thể hiện rõ tâm trạng của nhân vật Tràng khi thị bất ngờ xuất hiện. Trong lời thoại của nhân vật, tác giả sử dụng những từ cảm thán như: "À", "Đấy", "nhá", "Hà" và những từ địa phương như "hẵng". ***- Đoạn trích b (Chí Phèo – Nam Cao):*** Tác giả sử dụng linh hoạt từ ngữ của văn nói như: "biết gì", "ơi", "rồi", "ai", "chứ", "đấy",… ➔ Thể hiện sự gian xảo trong lời nói và con người của bá Kiến, xoa dịu một Chí Phèo say rượu, hung hăng chỉ bằng vài câu nói ngắn; cho thấy sự đơn giản, dễ hiểu đôi khi lại có giá trị thuyết phục đối với người nghe cao hơn. **2. Bài tập 2 (Trang 38 SGK) - Phân tích các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ viết:** ***- Đoạn trích (Vợ nhặt – Kim Lân):*** Dùng từ ngữ bình dị, gần gũi nhưng có sự dụng công trong việc trau chuốt từ ngữ, cấu trúc để gợi lên khung cảnh tang tóc, thê lương của xóm ngụ cư khi cái đói tràn về.

Poster văn học lên Tivi **(3.1.NC1a).** Đại diện đội đọc diễn cảm đoạn văn viết đó. *Sản phẩm:* Bài thuyết trình nói trực tiếp và poster văn bản viết hiển thị trên Tivi. **Bước 4: Đánh giá kết luận** - Ban giám khảo tổng hợp điểm từ bảng kiểm và công bố đội chiến thắng. - GV nhận xét tinh thần thi đấu, tư duy ngôn ngữ và kỹ năng tương tác, làm chủ không gian số của cả hai đội. - **GV chuẩn hóa tri thức (Chốt kiến thức):** GV chốt lại toàn bộ nội dung lý thuyết (Bảng phụ lục đặc điểm nói - viết) và đáp án chi tiết của Bài tập 1, Bài tập 2 lên màn hình Tivi để học sinh ghi nhận vào vở. **- GV dành 3 phút cuối bình giảng sâu sắc về giá trị ngôn từ:** "Các em thân mến, dù là ngôn ngữ nói mộc mạc, sinh động trong lời thoại của nhân vật Tràng, bá Kiến; hay ngôn ngữ viết trau chuốt, tài hoa dưới ngòi bút tả cảnh đói của Kim Lân, và đặc biệt là sự đạt đến đỉnh cao tinh tế trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du – tất cả đều là tài sản vô giá của tiếng Việt. Thời đại công nghệ số mang đến cho các em những icon, những từ viết tắt nhanh gọn trên Zalo, Facebook. Điều đó không xấu, nhưng nó dễ làm nghèo nàn đi tâm hồn nếu các em quên mất cách nói lời hay, quên mất cách viết những câu văn chỉn chu, có trách nhiệm. Hãy biết thực hành ngôn ngữ một cách thông minh, phù hợp với từng ngữ cảnh để giữ gìn sự trong sáng của tiếng nước mình."	***- Đặc điểm từ và câu:*** Sử dụng các câu văn ngắn, cách diễn đạt đơn giản ("Người chết như ngả rạ.", "Cái đói đã tràn đến xóm này tự lúc nào"...) kết hợp biện pháp nghệ thuật liệt kê, so sánh và nhiều từ láy mang ý nghĩa biểu tượng ("xác xơ", "ngăn ngắt", "úp súp", "heo hút"...) nhằm gợi lên một khung cảnh rùng rợn, tiêu điều, đáng thương của con người trong nạn đói năm Ất Dậu. **III. Thực hành nói và viết phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ nói và viết - VÒNG 4: SÁNG TẠO NGHỆ THUẬT** - **Đội 1 - Sản phẩm thực hành dạng Ngôn ngữ nói:** Bài thuyết trình nói trực tiếp trước lớp về nội dung: *Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong Truyện Kiều (Nguyễn Du)*, có sử dụng ngữ điệu, ánh mắt kết hợp phương tiện hỗ trợ đa phương tiện trực quan. - **Đội 2 - Sản phẩm thực hành dạng Ngôn ngữ viết:** Bản Poster/Infographic văn học số hóa chứa đoạn văn nghị luận trình bày cấu trúc câu chặt chẽ, từ ngữ trau chuốt về nội dung: *Vẻ đẹp của ngôn ngữ trong Truyện Kiều (Nguyễn Du)*.

PHỤ LỤC: BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SÁNG TẠO (HS TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ CHÉO)

***Hướng dẫn học sinh sử dụng bảng kiểm tại lớp:**

- Bước 1: Trong lúc Đội 1 trình bày, tất cả thành viên Đội 2 (và ngược lại) sẽ cầm bảng kiểm này trên tay, tập trung quan sát và cho điểm vào cột bên phải. *Thang điểm: 10 điểm (Mỗi tiêu chí tối đa 2 điểm. Đạt hoàn hảo: 2đ | Đạt phần lớn: 1.5đ | Đạt trung bình: 1đ | Chưa đạt: 0.5đ)*

-

- Bước 2: Khi kết thúc vòng 4, đại diện các nhóm sẽ thu phiếu, thống nhất điểm số trung bình của nhóm mình dành cho nhóm bạn và đứng dậy đọc rõ lý do vì sao cho điểm ở tiêu chí số hóa hoặc tiêu chí ngôn ngữ.

- Bước 3: Ban giám khảo học sinh tổng hợp phiếu đánh giá chéo này cùng với điểm của giáo viên để đưa ra kết quả phân định thắng bại cuối cùng.

Tiêu chí đánh giá	**ĐỘI 1: SẢN PHẨM NÓI(Thuyết trình kết hợp đa phương tiện)**	**ĐỘI 2: SẢN PHẨM VIẾT(Poster/Infographic văn học số hóa)**	**Điểm**
1. Nội dung văn học	Bài nói làm bật lên được nét đặc sắc, vẻ đẹp ngôn từ tài hoa của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*.	Đoạn văn nghị luận có luận điểm rõ ràng; phân tích sâu sắc vẻ đẹp ngôn ngữ tinh tế trong *Truyện Kiều*.	..... /2đ
2. Đặc trưng thể loại	Sử dụng đúng đặc điểm **ngôn ngữ nói**: Ngữ điệu sinh động, tự nhiên; phối hợp cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt hướng về người nghe.	Sử dụng đúng đặc điểm **ngôn ngữ viết**: Từ ngữ chọn lọc, trau chuốt; câu văn mạch lạc, chặt chẽ, không bị lỗi "viết như nói".	..... /2đ
3. Kỹ thuật số hóa *(3.1.NC1a)*	Sử dụng thành thạo thiết bị để trình chiếu video/hình ảnh minh họa; các yếu tố nghe - nhìn phối hợp nhịp nhàng, đúng thời điểm với bài nói.	Thiết kế hình thức Poster/Infographic bằng công cụ số (Canva/PPT) cân đối; bố cục rõ ràng; font chữ dễ đọc; xuất file chất lượng nét.	..... /2đ
4. Thẩm định tư liệu *(1.2.NC1a)*	Ngữ liệu trích dẫn thơ Kiều chuẩn xác; có chứng minh được việc tra cứu từ nguồn tư liệu chính thống trực tuyến.	Hệ thống từ ngữ, văn bản trích dẫn trong bài viết chính xác tuyệt đối; có ghi rõ nguồn trích dẫn uy tín trên poster.	..... /2đ

Tiêu chí đánh giá	ĐỘI 1: SẢN PHẨM NÓI(Thuyết trình kết hợp đa phương tiện)	ĐỘI 2: SẢN PHẨM VIẾT(Poster/Infographic văn học số hóa)	Điểm
5. Tương tác & Phản biện	Bản lĩnh khi đứng trước đám đông; trả lời sắc bén, thuyết phục các câu hỏi chất vấn từ đội bạn.	Cách dàn trang trực quan giúp người đọc dễ tiếp cận; giải trình tự tin trước những lời nhận xét về cấu trúc câu chữ.	..... /2đ
TỔNG ĐIỂM	**Sản phẩm đạt yêu cầu khi tổng điểm từ 7.0 trở lên và không có tiêu chí nào dưới 1.0 điểm.**		..... /10đ

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

Năng lực Ngôn ngữ (Đặc thù): HS vận dụng các kiến thức về đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết để thực hành chuyển đổi linh hoạt từ văn bản kịch bản (ngôn ngữ viết) sang lời thoại, cử chỉ, điệu bộ trong diễn xuất thực tế đời sống (ngôn ngữ nói).

- **Phát triển Năng lực số (NLS):** HS biết cách sử dụng và tương tác với công cụ Trí tuệ nhân tạo (AI Chatbot như Gemini/ChatGPT) để tìm kiếm ý tưởng, tham khảo cấu trúc kịch bản, đồng thời thực hiện phản biện và chỉnh sửa nội dung thoại nhằm đảm bảo sự phù hợp và chính xác cho nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung hoạt động:

HS phối hợp tương tác công nghệ tại nhà để viết kịch bản và thực hành diễn xuất tình huống thực tiễn tại lớp

c. Sản phẩm:

- **Sản phẩm văn học:** Bản kịch bản giấy của nhóm và phần diễn xuất trực tiếp của học sinh tại lớp.
- **Sản phẩm số:** Câu lệnh (prompt) tương tác và nội dung gợi ý kịch bản từ AI được học sinh lưu lại trong vở soạn bài

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ dự án nhỏ thực hiện tại nhà theo nhóm bàn: Xây dựng và biểu diễn tiểu phẩm ngắn (3 - 5 phút) về chủ đề: **"Ước mơ làm nhà văn"**.	**1. Ý tưởng cốt lõi:** - *Tình huống:* Nhân vật A muốn làm nhà văn, người mẹ tình cờ biết được ước muốn đó. - *Nhân vật:*

- GV hướng dẫn các nhóm khi xây dựng kịch bản tại nhà, hãy thử nhập câu lệnh (prompt) vào AI Chatbot để tham khảo ý tưởng. *Ví dụ câu lệnh: "Hãy gợi ý một kịch bản đối thoại ngắn 3 phút giữa hai mẹ con, người con muốn làm nhà văn nhưng còn e ngại, người mẹ thấu hiểu và cổ vũ con. Sử dụng từ ngữ gần gũi, khẩu ngữ đời thực".* - *GV quán triệt:* HS chỉ dùng AI để lấy ý tưởng khơi nguồn cảm hứng, sau đó phải tự tay viết và gọt giũa kịch bản theo cảm xúc chân thực của mình, tránh lạm dụng, sao chép nguyên bản của máy. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ (nhóm)** - Các nhóm truy cập công cụ AI, tương tác để nhận gợi ý kịch bản, ghi chép lại câu lệnh và kết quả phản biện vào vở soạn bài **(6.3.NC1b).** - Nhóm tiến hành viết kịch bản chính thức ra giấy (Ngôn ngữ viết), phân vai và tập luyện lời thoại, kết hợp cử chỉ, điệu bộ, ánh mắt (Ngôn ngữ nói) để chuẩn bị biểu diễn. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV mời đại diện 1 - 2 nhóm lên bục giảng tự tin thể hiện vở kịch trực tiếp. - Các nhóm còn lại chú ý quan sát, lắng nghe lời thoại, ngữ điệu và sử dụng Phiếu đánh giá/Bảng kiểm bằng giấy để nhận xét, phản biện trực tiếp bằng lời nói. **Bước 4: Đánh giá kết luận** - GV nhận xét phần diễn xuất của HS; khen ngợi năng lực chuyển đổi nhuần nhuyễn từ ngôn ngữ viết (kịch bản) sang ngôn ngữ nói (diễn xuất) cùng các yếu tố phi ngôn ngữ (cử chỉ, nét mặt). - GV đánh giá cao các nhóm có tư duy phản biện tốt, biết dùng AI để hỗ trợ học tập một cách thông minh, lành mạnh chứ không phụ thuộc. GV tuyên dương, cộng điểm khuyến khích cho sản phẩm tốt.	+ **A:** Đam mê văn thơ, có sáng tác riêng nhưng còn e ngại, chỉ dám tâm sự với mẹ. + **Mẹ A:** Ủng hộ ước mơ, lắng nghe, góp ý sửa sai và tiếp thêm động lực cho con. **2. Học liệu số hình thành tại nhà:** - Minh chứng câu lệnh tương tác và phần tự gọt giũa kịch bản từ gợi ý của AI trong vở soạn **.** **3. Sản phẩm thực tế tại lớp:** - Bản kịch bản văn học bằng giấy của nhóm. - Lời thoại sinh động, mộc mạc (ngôn ngữ nói) kết hợp ngữ điệu, ánh mắt, cử chỉ xuất thần của các diễn viên học sinh trên bục giảng.

BẢNG KIỂM: ĐÁNH GIÁ DIỄN XUẤT CỦA CÁC NHÓM

Tiêu chí đánh giá	Mức độ 1: Chưa đạt(1 điểm)	Mức độ 2: Khá(2 điểm)	Mức độ 3: Tốt(3 điểm)	Điểm nhóm chấm
1. Kịch bản văn học **(Ngôn ngữ viết)**	Kịch bản quá ngắn hoặc sơ sài; cốt truyện rời rạc; mắc nhiều lỗi chính tả, dùng từ.	Kịch bản có cấu trúc rõ ràng, thể hiện đúng tình huống "Ước mơ làm nhà văn"; câu từ mạch lạc.	Cốt truyện hấp dẫn, có chiều sâu nhân văn; lời thoại nhân vật gọt giũa chỉn chu, kết cấu câu chặt chẽ.	..... /3đ
2. Diễn xuất & Thoại **(Ngôn ngữ nói)**	HS đọc lại kịch bản, nói lí nhí; không có sự phối hợp cử chỉ, nét mặt; lời thoại bị lắp bắp.	HS thuộc bài, nói to, rõ ràng; bước đầu biết phối hợp điệu bộ, ánh mắt phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp.	Lời thoại tự nhiên, giàu cảm xúc; làm bật lên sự đối lập giữa tính cách nhân vật; cử chỉ, nét mặt xuất thần.	..... /3đ
3. Sáng tạo & Tập thể **(Năng lực chung)**	Bối cảnh sơ sài; các thành viên phối hợp thiếu nhịp nhàng; tiểu phẩm bị quá hoặc thiếu thời gian quy định.	Có chuẩn bị đạo cụ cơ bản; các vai diễn phối hợp ăn ý; thời lượng đảm bảo từ 3 - 5 phút.	Đạo cụ, bối cảnh sáng tạo; thông điệp ý nghĩa, tạo được cảm xúc sâu sắc cho người xem; phối hợp nhóm hoàn hảo.	..... /3đ
➕ Điểm thưởng Năng lực số **(Minh chứng tương tác AI)** ***(6.3.NC1b)***	*Không chấm mức độ.* Cộng ngay **1.0 điểm** nếu nhóm trình bày được minh chứng (chụp ảnh/ghi lại trong vở soạn) câu lệnh prompt thông minh và cách nhóm tự phản biện, gọt giũa kịch bản dựa trên gợi ý của AI Chatbot.	..... /1đ		

Tiêu chí đánh giá	Mức độ 1: Chưa đạt(1 điểm)	Mức độ 2: Khá(2 điểm)	Mức độ 3: Tốt(3 điểm)	Điểm nhóm chấm
TỔNG ĐIỂM SẢN PHẨM	*(Cộng điểm của cả 4 mục trên để ra kết quả cuối cùng)*			**...../10đ**

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

1. Hệ thống hóa kiến thức (Củng cố): Học sinh tự vẽ sơ đồ tư duy tổng kết các đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết. Khuyến khích sử dụng các công cụ sơ đồ tư duy số (như Coggle, MindMup, Canva) hoặc vẽ tay chụp ảnh rõ nét rồi tải lên không gian lưu trữ dùng chung của lớp.

2. Hoàn thành bài tập (Vận dụng mở rộng): Xem lại kịch bản tiểu phẩm "Ước mơ làm nhà văn" của nhóm, tự soát lại các lỗi chính tả, lỗi dùng từ khẩu ngữ khi viết để đảm bảo tính chuẩn xác của ngôn ngữ viết (Tránh lỗi viết như nói).

3. Chuẩn bị bài mới (Chủ động tra cứu):

- Đọc trước nội dung bài: *Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện (Những đặc điểm trong cách kể của tác giả).*
- Sử dụng thiết bị số truy cập Internet để tìm kiếm, đọc trước một số bài văn nghị luận mẫu uy tín trên các trang văn học chính thống nhằm nhận diện cấu trúc và ngôn ngữ của kiểu bài nghị luận này **(1.1.NC1b).**

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

PHÂN TÍCH PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO HỌC SINH

TT	Tên hoạt động	Tổ chức dạy học	Năng lực số
1	Hoạt động khởi động	- Yêu cầu HS tìm kiếm tư liệu, xử lý tư liệu và thuyết trình trước lớp.	**1.1.NC1b - Khai thác và sử dụng thiết bị số:** Học sinh sử dụng máy tính hoặc điện thoại thông minh để truy cập Internet, chủ động tra cứu và thu thập các đoạn hội thoại thực tế (tin nhắn mạng xã hội, bình luận trực tuyến) hoặc các văn bản chính thống để làm ngữ liệu phân tích.
2	Hoạt động hình thành kiến thức	Yêu cầu HS tìm kiếm thông tin, tư liệu để so sánh, đối chiếu.	**3.1.NC1a - Phát triển nội dung số:** Học sinh thực hiện thao tác chụp ảnh bài làm trên giấy của nhóm để chia sẻ và hiển thị trực quan sản phẩm trên

			màn hình Tivi lớp học, phục vụ công tác báo cáo và thảo luận.

PHẦN VIẾT

TIẾT: 8-10

VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN
(Những đặc điểm trong cách kể của tác giả)

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

- Học sinh giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).

- Học sinh nêu được và **phân tích một cách cụ thể, rõ ràng** về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,..).

- Học sinh nêu được nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.

- Học sinh khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

Học sinh phát triển: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,...

2. Về phẩm chất: Tự rút ra được bài học trong cuộc sống và liên kết với các yếu tố số hóa, công dân toàn cầu,…

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

2. Học liệu: Máy chiếu, bảng, dụng cụ, đồ dung khác.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức

2. Bài mới:

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học

b. Nội dung: HS xem video phân tích và đánh giá một tác phẩm văn học và trả lời câu hỏi: Video thuyết trình về tác phẩm văn học nào? Người nói đã giới thiệu những phương diện nào của tác phẩm?

https://www.youtube.com/watch?v=WSvQA7vqiWY&pp=ygUqdGh1eeG6v3QgdHLDrG5oIGdp4bubaSB0aGnhu4d1IHTDoWMgcGjhuqlt

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Gv chiếu video và đặt câu hỏi gợi dẫn: Video thuyết trình về tác phẩm văn học nào? Người nói đã giới thiệu những phương diện nào của tác phẩm? **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên dẫn dắt vào bài học	**GV từ câu trả lời của hs dẫn vào bài học**

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Nội dung 1: Tìm hiểu các yêu cầu của kiểu bài

a. **Mục tiêu**: Hs biết được những yêu cầu chung của kiểu bài

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên yêu cầu HS đọc kĩ yêu cầu trong SGK và gạch chân từ khóa **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện nhiệm vụ **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức	**Yêu cầu** - Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm - Nêu và phân tích cụ thể, rõ ràng về một số phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm - Nêu nhận định, đánh giá về tác phẩm - Khẳng định giá trị của tác phẩm

Nội dung 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: HS hiểu được tầm quan trọng của việc trình bày cụ thể về các khía cạch trong nghệ thuật tự sự, tránh lối viết chung chung; học hỏi được cách triển khai luận điểm của người viết

b. Nội dung: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên yêu cầu HS đọc thật kĩ văn bản mẫu trong SGK và trả lời câu hỏi theo nhóm đôi **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hành đọc và trả lời câu hỏi **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức	**Văn bản: Một vài nét về nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa.** **1. Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa có những phương diện đáng chú ý nào?** Nghệ thuật tự sự của Nam Cao trong truyện ngắn Đời thừa có những phương diện đáng chú ý: - Tổ chức mạch truyện - Người kể chuyện - Lối trần thuật hướng nội - Thái độ của người kể với nhân vật - Lời trần thuật **2. Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa, tác giả đã đi theo trình tự nào?** Khi phân tích từng phương diện làm nên sức hấp dẫn của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa, tác giả đã đi theo trình tự: - Miêu tả yếu tố đó. - Chỉ ra chức năng, vai trò của nó. - Thái độ của người kể chuyện với nhân vật. - Đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nó. **3. Bạn có thể học hỏi được điều gì từ cách phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự trong Đời thừa? Điều gì ở bài viết chưa làm bạn thỏa mãn.** - Học hỏi: Khi biết bài văn phân tích các phương diện của nghệ thuật tự sự cần phải nêu được giá trị của văn bản, chỉ ra phương diện

	nghệ thuật cần đánh giá. Mô tả và nêu vai trò chức năng của nó. Chỉ ra được thái độ của nhân vật và đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nó. - Bài viết chưa đánh giá hiệu quả nghệ thuật của nghệ thuật tự sự

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (Thực hành viết)

a. **Mục tiêu**: **Học sinh giới thiệu** ngắn gọn về tác phẩm truyện được chọn để phân tích (chú ý nêu khái quát các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm mà bài viết sẽ đi sâu phân tích).

- Học sinh nêu được và **phân tích một cách cụ thể, rõ ràng** về các phương diện nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm (nghệ thuật sáng tạo tình huống, xây dựng cốt truyện, những nét đặc sắc của hình tượng người kể chuyện, cách tổ chức trần thuật, lời văn và giọng điệu,..).

- Học sinh nêu được nhận định, đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục với những phân tích có chiều sâu hay thể hiện góc nhìn mới mẻ.

- Học sinh khẳng định giá trị của tác phẩm được chọn để phân tích.

b. Nội dung:

- Học sinh đọc thật kĩ các thao tác chuẩn bị viết – tìm ý, lập dàn ý – trong khi viết – chỉnh sửa bài viết
- Học sinh thực hành lập dàn ý và viết bài

*** Chuẩn bị viết**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV phát PHT và hướng dẫn HS làm phiếu **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc cá nhân **B3. Báo cáo thảo luận:** HS chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** GV chốt kt	**PHIẾU VIẾT VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN** **(Những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả)** **ĐỀ BÀI**: **Viết một bài văn nghị luận phân tích những đặc điểm trong cách kể chuyện của tác giả trong một truyện ngắn mà em thích.** **Chuẩn bị viết** 1.Tác phẩm truyện mà tôi chọn là tác phẩm nào? Của ai? …….. 2.Cách kể chuyện của tác giả khiến tôi ấn tượng là gì? ……. 3.Vì vậy, tôi sẽ lựa chọn vấn đề nghị luận, đó là…….

*** Tìm ý, lập dàn ý:**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập	**Tìm ý và lập dàn ý** 1.Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm

Giáo viên phát phiếu học tập, HS hoàn thành phiếu đầy đủ các bước theo yêu cầu của SGK **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hành hoàn thành phiếu **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức	2. Trong truyện ngắn có những đặc điểm kể chuyện nào đáng lưu ý: + Tổ chức mạch truyện, người kể chuyện và lối trần thuật hướng nội (sử dụng điểm nhìn bên trong, nương theo ý thức của nhân vật), thái độ của người kể chuyện với nhân vật và đặc điểm của lời trần thuật. + Từ ngữ, cấu trúc câu, các phương thức tổ chức điểm nhìn trần thuật, nhịp điệu trần thuật. + Cách xây dựng tình huống truyện … 3. Hiệu quả của các phương thức, phương tiện nghệ thuật đã giúp bộc lộ cảm quan về đời sống của nhà văn cũng như khơi gợi suy tưởng và hứng thú diễn giải ở người đọc như thế nào? 4. Đánh giá giá trị của tác phẩm ban đã chọn trên phương diễn nghệ thuật Tác phẩm các vị trí như thế nào trong sự nghiệp của nghệ sĩ? Nó đã tạo nên đột phá gì trong cách biểu đạt đời sống, đem đến những ấn tượng, xúc động thẩm mĩ mới mẻ thế nào? *** Lập dàn ý: HS sắp xếp các ý vừa tìm được vào bố cục 3 phần sao cho hợp lí**

*** Viết, chỉnh sửa, hoàn thiện**

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hành viết theo rubic chấm **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	**Bài viết của hs**

Rubric đánh giá

Nội dung kiểm tra		Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật bạn sẽ phân tích. Nêu khía cạnh trong nghệ thuật của tác phẩm mà bạn sẽ tập trung làm rõ.		
	Nêu được khái quát giá trị trong đặc sắc cách kể chuyện của tác phẩm		

Thân bài	Miêu tả yếu tố (Sử dụng các định nghĩa và kiến thức lí luận, đồng thời diễn giải yếu tố đó trong tác phẩm)		
	Chỉ ra chức năng của yếu tố đó và vai trò của nó trong tác phẩm		
	Đánh giá hiệu quả của yếu tố đó đối với tác phẩm		
	Trình bày những suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về tác phẩm		
Kết bài	Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm truyện.		
	Nêu ý nghĩa của tác phẩm đối với bản thân và người đọc		
Kĩ năng trình bày, diễn đạt	Kết hợp các thao tác lập luận, lập luận chặt chẽ, hệ thống luận điểm mạch lạc.		
	Có lí lẽ xác đáng, bằng chứng tin cậy lấy từ tác phẩm.		
	Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn, đáp ứng yêu cầu của kiểu bài.		
	Sử dụng các từ ngữ, câu văn tạo sự gắn kết giữa các luận điểm, giữa bằng chứng với lí lẽ và bảo đảm mạch lạc cho bài viết.		

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. **Mục tiêu**: Học sinh bàn luận về một vấn đề được người viết đề cập

b. Nội dung: HS hoàn thành bài viết và tiến hành kiểm tra đánh giá

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập Giáo viên giao nhiệm vụ Học sinh thảo luận và thực hiện **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** Học sinh thực hiện thảo luận, đánh giá **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh trình bày phần bài làm của mình **Bước 4. Kết luận, nhận định** GV chốt lại các chia sẻ, lựa chọn các chia sẻ tốt để cả lớp tham khảo	GV linh hoạt sử dụng phần chia sẻ bài làm của HS

4. Củng cố:

5. HDVB

PHẦN: NÓI VÀ NGHE

Tiết: 11

THUYẾT TRÌNH VỀ NGHỆ THUẬT KỂ CHUYỆN TRONG MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết cách giới thiệu những thông tin cơ bản về tác phẩm truyện được chọn để thuyết trình.
- Nêu được các khía cạnh về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.
- Trình bày được những phát hiện cá nhân về giá trị của tác phẩm, thu hút sự quan tâm của người nghe về tác phẩm được chọn để thuyết trình.

2. Về năng lực

- Năng lực giải quyết vấn đề: thực hiện nhiệm vụ trước vấn đề được cung cấp.
- Năng lực thuyết trình: giới thiệu, đánh giá về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện.

3. Về phẩm chất: Bồi dưỡng khả năng lắng nghe và góp ý trên tinh thần cởi mở và xây dựng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu, bảng, bút màu, giấy A0…

2. Học liệu: SGK, SGV, phiếu học tập….

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo tâm thế thoải bài học mái và gợi dẫn cho sinh về nội dung

b. Nội dung: GV phát vấn: Theo em, cần chuẩn bị những gì để có một bài thuyết trình tốt?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Học sinh suy nghĩ và trả lời **B3. Báo cáo thảo luận:** Học sinh chia sẻ **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Giáo viên dẫn dắt vào bài học	

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS chuẩn bị bài nói dựa vào nhiệm vụ đã phân công.

(Chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn trong SGK: Lưu ý: GV cho các nhóm đăng kí tác phẩm truyện trước để tránh trùng lặp)

b. Nội dung: Các thành viên trong nhóm sẽ thực hiện các nhiệm vụ gợi ý, hoàn thành sản phẩm trước ở nhà.

c. Sản phẩm: Video trình chiếu, bài thuyết trình của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm

B1. Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu các nhóm chuẩn bị nội dung, 1HS (MC) điều hành buổi trình bày nói- nghe. **B2. Thực hiện nhiệm vụ** MC mời lần lượt các nhóm lên trình bày. Những nhóm còn lại lắng nghe theo dõi. Hs thực hiện nhiệm vụ học tập **B3. Báo cáo thảo luận** MC mời lần lượt nhóm nghe phản hồi về bài thuyết trình của người nhóm nói. Nhóm nói có sự trao đổi lại với người nghe. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Người nói cần chú ý: - Sử dụng từ ngữ chuyển tiếp phù hợp để tạo sự liên kết, giúp nghười nghe dễ theo dõi - Sử dụng ngữ điệu, giọng điệu phù hợp - Kết hợp ngôn ngữ hình thể với các phương tiện phi ngôn ngữ: hình ảnh… Người nghe cần chú ý: - Tôn trọng quan điểm của người nói - Tinh thần cởi mở, góp ý tích cực. Có thể đưa ra các câu hỏi trao đổi, phản biện với các vấn đề người nói trình bày.	

PHIẾU HỌC TẬP

Phiếu học tập số 1: <u>Chuẩn bị nội dung nói</u>

Họ tên……Nhóm……..Lớp……
* Nhiệm vụ:
1. Chọn 1 tác phẩm truyện (Truyện ngắn/ tiểu thuyết) để lại ấn tương về cách kể chuyện
Tên truyện:…….
2. Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm nghệ thuật
- Tác giả: ……
- Hoàn cảnh ra đời: ……
- Vị trí của tác phẩm trong sự nghiệp của nhà văn/ trong lịch sử văn học: ……..
3. Lựa chọn 1 đề tài yêu thích/ phù hợp về cách kể chuyện của tác phẩm truyện được chọn để triển khai thành các luận điểm
4. Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác hẩm truyện

Phiếu học tập số 5: Phiếu đánh giá

Tên đề tài……..
Người trình bày…….
Người đánh giá……..

Stt	Nội dung	Kết quả	
		Đạt	Chưa đạt
1	Giới thiệu các thông tin cần thiết về tác phẩm truyện được lựa chọn thuyết trình		
2	Chỉ ra và đánh giá được các phương diện làm nên tính nghệ thuật của tác phẩm truyện		
3	Biết phối hợp nhịp nhàng giữa phần nói và phần trình chiếu/ hình ảnh minh họa		
4	Tương tác tốt với người nghe, thu hút được sự quan tâm của người nghe đối với tác phẩm		

HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP (THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE)

a. Mục tiêu:
Người nói và người nghe đối thoại trên tinh thần cởi mở. Thực hiện đánh giá, tự đánh giá theo các tiêu chí.
b. Nội dung:
Thuyết trình về nghệ thuật kể chuyện trong một tác phẩm truyện cụ thể
c. Sản phẩm: Đánh giá bài thuyết trình.
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ Nhóm điều phối sẽ tổ chức nhận xét, đánh giá về phần trình bày của các nhóm. **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Các suy nghĩ để đưa ra ý kiến, chia sẻ về các bài nói dựa trên phiếu đánh giá. **B3. Báo cáo thảo luận** Các nhóm góp ý, chia sẻ về các bài nói dựa trên phiếu đánh giá. **B4. Đánh giá kết quả thực hiện:** Sử dụng phiếu đánh giá	

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để trình bày về một tác phẩm mới.
b. Nội dung: Giới thiệu những thông tin về tác phẩm truyện; Nêu cảm nhận về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.
c. Sản phẩm: HS thực hiện được bài thuyết trình giới thiệu, cảm nhận về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện.
d. Tổ chức thực hiện:
B1. Chuyển giao nhiệm vụ
GV đưa ra tác phẩm (hoặc HS chọn tác phẩm mình muốn đọc).
B2. Thực hiện nhiệm vụ:
HS tìm đọc ở nhà; Giới thiệu những thông tin về tác phẩm truyện đã đọc; Nêu cảm nhận về nghệ thuật kể chuyện của tác phẩm truyện đó.
B3. Báo cáo thảo luận
Thực hiện trên lớp vào giờ sau.
B4. Đánh giá kết quả thực hiện:
Rút kinh nghiệm về kĩ năng đọc, tìm hiểu về tác phẩm truyện.
4. Củng cố:
5. HDVN: Thực hành đọc **Cải ơi**.